

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty.

Trường Đại học Quốc tế có nhu cầu xây dựng dự toán mua sắm: Hóa chất, vật tư tiêu hao, dụng cụ phục vụ cho giảng dạy thực hành PTN như sau:

ST T	Tên hàng hóa	Công thức hóa học	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng	Hãng sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
I	Hóa Chất						
1	OneStep Blocker - Western Blocking Solution and Signal Enhancer		<p>Các tính năng: 3 bước trong một: Chặn màng và pha loãng 1o Ab & 2o Ab trong một bước. Tăng cường tín hiệu kháng thể: Nó cho thấy cường độ tín hiệu tăng gấp hai đến năm lần đối với hầu hết các mục tiêu protein, cho phép phát hiện ít protein hơn với cùng chất nền và phương pháp. Tăng cường tiết kiệm thời gian: Tiết kiệm ít nhất 2 giờ trong quá trình phát hiện kháng thể trong Western Blot, chỉ cần một giờ. Chất pha loãng kháng thể phổ quát: Dung dịch đệm pha loãng sẵn sàng sử dụng cho hầu hết 1o Ab & 2o Ab. Không cần bước chặn: Chỉ cần nhúng màng vào dung dịch OneStep Blocker cùng với kháng thể của bạn. Đó là tất cả. Hiệu quả với mọi ECL: Sau quá trình phát hiện kháng thể, tín</p>	BS001-B500ML	BIO-HELIX	Chai/500ml	1

		<p>hiệu có thể được phát triển với cả cơ chất HRP (horseradish peroxidase) và AP (alkaline phosphatase).</p> <p>Ít bước thực hành hơn: Không cần 3 bước rửa, nghĩa là không cần chuyển màng vào và ra khỏi thùng chứa.</p> <p>Tương thích với màng PVDF & NC: Bất kể kích thước lỗ chân lông, OneStep Blocker giảm thiểu nền do liên kết protein không đặc hiệu bởi kháng thể.</p> <p>Cải thiện khả năng phát hiện protein: Cải thiện quá trình liên kết của protein mục tiêu, để các kháng thể cụ thể có thể liên kết hiệu quả hơn.</p> <p>Không có protein: Giảm nền tổng thể và giảm thiểu các tín hiệu không đặc hiệu thường thấy khi phát hiện ECL."</p>				
2	1 kbDNA ladder	<p>Nồng độ: 6X</p> <p>Loại gel: agarose</p> <p>Nhãn hoặc thuốc nhuộm: Xylene Cyanol FF, Bromophenol xanh, cam G</p> <p>Loại sản phẩm: Thang DNA</p> <p>Phạm vi kích thước: 250 đến 10000 bp</p> <p>Khả năng tương thích gel: Gel agarose</p> <p>Đặc điểm xanh: Bao bì bền vững</p> <p>Thành phần: Thuốc nhuộm tải DNA 6X, 2 x 1mL</p> <p>Dòng sản phẩm: GenRuler</p>		Thermo Scientific	Ống/500ul	1

3	100bp DNA ladder		Nồng độ: 6X Loại gel: Agarose Thuốc nhuộm: Xylene Cyanol FF, Bromophenol Blue, Orange G Dải kích thước của thang: 100 to 1000 bp Lượng: 50 µg	SM0241	Thermo	Ống/100ul	1
4	2-(N-morpholino) ethanesulfonic acid		– Công thức hóa học: C ₆ H ₁₃ NO ₄ S·H ₂ O. – Khối lượng phân tử: 213,25. – Bảo quản: Nhiệt độ phòng. – Tính chất vật lý và hóa học: + Độ hòa tan: Hòa tan trong nước (0,5 M ở 20 °C). + Độ nóng chảy: khoảng 308°C.	M8250-25G	Merck	Chai/25g	2
5	2,4,6-Tris(2-pyridyl)-s-triazine (TPTZ)	C ₇ H ₄ N ₂ O ₇	Quy cách 1G Assay ≥99.0% (HPLC) Loss ≤0.1 wt. % loss on drying Mp 247-249 °C(lit.) hoặc 248-251 °C Tan trong methanol: 100 mg/mL, clear		Sigma	Chai/1 gram	1
6	3,5-Dinitrosalicylic acid (DNS)	C ₇ H ₄ N ₂ O ₇ 7	Formula: C ₇ H ₄ N ₂ O ₇ Melting point: 182 °C Molar mass: 228.116 g·mol ⁻¹ Solubility in organic solvents: Soluble in ethanol, diethyl ether, benzene Solubility in water: Soluble Appearance: Yellow needles or plates		Trung Quốc	chai/25g	1

7	6X Gelred loading buffer with Tricolor		"Chất nhuộm acid nucleic phát huỳnh quang siêu nhạy, cực kỳ ổn định và an toàn với môi trường được thiết kế để thay thế Ethidium bromide (EtBr). 6X GelRed™ Loading Buffer with TricColor có sẵn ba thuốc nhuộm: Bromophenol Blue, Xylene Cyanol FF và Orange G, và được thêm vào mẫu và nạp vào gel mà không cần thêm thuốc nhuộm DNA phát huỳnh quang vào gel agarose trong quá trình đổ gel."	DD-012	TBR	Ống/1 ml	2
8	Absolute Ethanol	C2H5OH	Công thức hóa học: CH ₃ CH ₂ OH Khối lượng phân tử: 46.07 g/mol Trạng thái: chất lỏng không màu, dễ bay hơi, dễ cháy M.P. 114.5°C Độ tinh khiết: ≥96%		Viet Nam	Chai/1 000ml	18
9	Absolute Ethanol		"Công thức phân tử: C ₂ H ₅ OH Khối lượng phân tử: 46.069 g/mol Trạng thái: Chất lỏng không màu Tỷ trọng: 0,7893 g/cm ³ (ở 20 °C) Độ nóng chảy: -114,14 ± 0,03 °C (-173,45 ± 0,05 °F ; 159,01 ± 0,03 K) Điểm sôi: 78,24 ± 0,09 °C (172,83 ± 0,16 °F ; 351,39 ± 0,09 K) Độ hòa tan trong nước: Tan vô hạn trong nước Áp suất hơi: 5,95 kPa (ở 20 °C)"		Trung Quốc	Chai/5 00ml	7
10	Acetone		Khối lượng mol: 58.04 g/mol - Khối lượng riêng: 0.791 g/cm ³ - Nhiệt độ sôi: 56 - 57 °C - Nhiệt độ nóng chảy: -95 đến -93°C - Hàm lượng ≥ 99.5 %		Trung Quốc	Chai/5 00ml	4

11	Acetonitrile	C ₂ H ₃ N	<p>Trọng lượng phân tử: 41.053 Nhiệt độ nóng chảy: -46°C Màu sắc: Không màu Công thức phân tử: CH₃CN Tính tan: Tan trong nước Độ nhớt: 0.36 cP at 20°C</p>		Trung Quốc	Chai/500ml	2
12	Acetonitrile, HPLC Plus, > 99.9%	CH ₃ CN	<p>Dùng cho HPLC Công thức tuyến tính: CH₃CN Khối lượng phân tử: 4.053 g/mol Nhiệt độ tự bốc cháy: 973 °F Mật độ hơi: 1.41 (vs không khí) Áp suất hơi: 72.8 mmHg (20 °C) Tỉ trọng: 0.7822 g/cm³ Trạng thái: dạng lỏng Độ hấp thụ: - tối đa 0,01 ở 254nm - tối đa 0,02. ở 220nm - tối đa 0,04. ở 210nm - tối đa 0,05. ở 205nm - tối đa 0,07. ở 200nm - tối đa 0,15. ở 195nm - tối đa 1 ở 190nm</p>		Thermo Fisher	Chai/4L	2
13	Acid Acetic	CH ₃ COOH	<p>"Công thức hóa học: CH₃COOH Dung môi hữu cơ, dạng lỏng không màu Mùi hắc nhẹ và mùi chua nhẹ Nhiệt độ nóng chảy là 16,7oC và nhiệt độ sôi là 118oC Khối lượng phân tử: 60,05 g/mol Mật độ khoảng 1,05 g/cm³ Điểm chớp cháy là khoảng 39oC"</p>		Cylon-TQ	Chai/500mL	1

14	Acrylamide		<p>Mật độ hơi: 2,45 (so với không khí) Cấp độ chất lượng: 200 Áp suất hơi: 0,03 mmHg (40 °C) Xét nghiệm: ≥99% Hình thức: tinh thể (Các) kỹ thuật phù hợp: điện di bp: 125°C/25 mmHg (sáng) mp: 82-86 °C (sáng) độ hòa tan: nước: hòa tan 2,5 g/10 mL, trong suốt, không màu sự phù hợp: thích hợp cho điện di Chuỗi SMILES <chem>NC(=O)C=C</chem> InChI 1S/C3H5NO/c1-2-3(4)5/h2H,1H2,(H2,4,5) InChI key HRPVXLWXLXDGHG-UHFFFAOYSA-N</p>	A8887-100G	Sigma	Chai/100g	1
15	Acrylamide/Bis-acrylamide 30% solution		<p>"-vô trùng: lọc 0,2 μm -Mức chất lượng: 200 -dòng sản phẩm: BioReagent -dạng: chất lỏng -tỷ lệ thức ăn: 19:1 -kỹ thuật: điện di: phù hợp -Tính thích hợp: Thích hợp cho điện di -Hoạt động nước ngoài: Protease, không phát hiện -nhiệt độ bảo quản: 2-8°C - Chuỗi SMILES: <chem>NC(=O)C=C.C=CC(=O)NCNC(=O)C=C"</chem></p>	1001820122 A3449-100ML	Sigma-Aldrich	Chai/100ml	1

16	Agar powder, Bacteriological grade		<p>Đặc điểm bên ngoài: Dạng bột không mùi (hoặc mùi nhẹ), tạo cảm giác nhầy trên lưỡi</p> <p>Độ tan: Tan hoàn toàn trong nước nóng trên 85 độ C. Không tan trong nước lạnh</p> <p>Độ trong: Tạo thành gel rắn chắc, trong suốt đến hơi trắng đục ở nồng độ 1,5% tại nhiệt độ 38-39°C.</p> <p>Khả năng khuếch tán thuốc nhuộm : 18-20mm</p>	-	Ấn Độ	Chai/5 00g	1
17	Agarose for gel electrophoresis		<p>Chất lượng đã được kiểm tra và chứng nhận không có DNase và RNase</p> <p>Electroendosmosis: 0,09-0,13</p> <p>Nhiệt độ tạo gel: 36-39°C ở mức 1,5%</p> <p>Độ bền của gel: ≥ 1000 ở mức 1,0% g/cm²</p> <p>Độ ẩm: $\leq 7\%$</p> <p>Điểm nóng chảy: 87-89°C ở 1,5%</p> <p>Nhiệt độ bảo quản: 15°C đến 30°C</p>	V3125	Promega	Chai/5 00	1
18	Aluminium chloride hexahydrate		<p>Công thức: $AlCl_3 \cdot 6H_2O$</p> <p>Độ tinh khiết: $\geq 97\%$</p> <p>Khối lượng phân tử: 241.43 (g/mol)</p> <p>Trạng thái: tinh thể màu trắng</p>		Trung Quốc	Chai/5 00g	1
19	Ammonium Hydroxide (Ammonia solution)		<p>NH₄OH là một dung dịch không màu, bay mùi mạnh và có mùi khai đặc trưng của NH₃.</p> <p>Khối lượng mol: 35,04 g/mol.</p> <p>Độ pH: Có dạng khí và dạng lỏng (tan vào nước) đều cho ra dung dịch tính kiềm yếu, pH\approx12.</p> <p>Mật độ: 910 kg/m³ (25 % w/w) hoặc 880 kg/m³ (35 % w/w).</p> <p>Điểm sôi: 37.7 °C (25 % w/w).</p> <p>Điểm tan chảy: -57.7 °C (25 % w/w) hoặc -91.5 °C (35% w/w).</p> <p>Điểm đóng băng (oC): -77,7oC (tinh thể màu trắng).</p>		Trung Quốc	Chai/5 00ml	6

20	Ammonium iron (II) sulfate	Reagent rate)	Ngoại quan: Tinh thể hoặc bột Tồn tại vật lý: rắn Tính tan trong nước (269 mg/ml ở 20 °C), (730 mg/ml ở 80 °C). Không hòa tan trong rượu. Bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ phòng Điểm nóng chảy: 100 °C (lit.) Tỷ trọng: 1.86 g/cm ³	F3754-500G	Merck	Chai/500g	1
21	Ammonium Persulfate		<ul style="list-style-type: none"> - Trạng thái và hình dạng vật lý: thể rắn. - Mùi: khó chịu - Vị: không - Khối lượng phân tử: 228,2 g/mol. - Màu: màu trắng, vàng. - pH (1% dung môi/nước): không có giá trị. - Điểm sôi: không - Điểm nóng chảy: 120oC. - Nhiệt độ tới hạn: không - Trọng lượng riêng: 1,98 (nước =1). - Áp suất bay hơi: không áp dụng. - Tỷ trọng bay hơi: không - Sự bay hơi: không có giá trị. - Ngưỡng mùi: không có giá trị. - Hệ số phân phối nước/dầu: không có giá trị. - Ionicity (trong nước): không có giá trị. 		Trung Quốc	chai/500g	1

		<ul style="list-style-type: none"> - Tính chất phân tán: xem sự hòa tan. - Sự hòa tan: tan trong nước lạnh, nước nóng - Độ ổn định: hóa chất ổn định. - Nhiệt độ gây không ổn định: không có giá trị. - Những điều kiện gây không ổn định: nhiệt độ quá cao, gần nguồn nhiệt, các vật liệu không tương thích. - Những hóa chất không tương thích: chất khử, chất hữu cơ, hợp chất dễ cháy, kim loại - Tính ăn mòn: không ăn mòn khi đựng trong thủy tinh. - Đặc biệt phản ứng với: vì là chất oxi hóa mạnh, nhạy với độ ẩm. Có thể phân hủy khi tiếp xúc với không khí ẩm hoặc nước. Phân hủy khi đun nóng. Không tương thích với bột nhôm, sắt, natri peroxide. - Các chú thích về ăn mòn: không có giá trị. - Poly hóa: không xảy ra. 				
22	Ammonium persulfate	<ul style="list-style-type: none"> -Loại dùng: dành cho sinh học phân tử -Mức chất lượng: 200 -mật độ hơi: 7,9 (so với không khí) -Khảo nghiệm: ≥98% -dạng: bột -sự phù hợp của phản ứng -loại thuốc thử: oxy hóa -kỹ thuật: điện di: phù hợp -anion dạng vết: clorua (Cl-): <10 ppm đầu vết -cation: Fe: <10 ppm -kim loại nặng (dưới dạng Pb): <50 ppm -hoạt động đối ngoại DNase, không phát hiện được Protease, không phát hiện được RNase, không phát hiện được -Chuỗi SMILES N.N.OS(=O)(=O)OOS(O)(=O)=O -InChI 	A3678-100G	Sigma	Chai/100g	1

			<p>1S/2H3N.H2O8S2/c;;1-9(2,3)7-8-10(4,5)6/h2*1H3;(H,1,2,3)(H,4,5,6)</p> <p>-Phím InChI ROOXNKNUYICQNP-UHFFFAOYSA-N</p>				
23	Ammonium sulfate		<p>*Công thức hóa học: (NH₄)₂SO₄</p> <p>*Khối lượng phân tử: 132,14 g/mol</p> <p>*Điểm nóng chảy: 235 °C</p> <p>*Khối lượng riêng 1.77 g/cm³</p> <p>*Độ hòa tan trong nước 70.6 g/100 g nước (0 °C), 103.8 g/100 g nước (100 °C)</p>		Trung Quốc	Chai/500g	1
24	Ampicillin sodium salt		<p>-nguồn sinh học: tổng hợp</p> <p>-dòng sản phẩm: BioReagent</p> <p>-dạng: bột hoặc tinh thể</p> <p>-hiệu lực: 845-988 µg mỗi mg (C₁₆H₁₈N₃O₄S, Tính trên cơ sở khan)</p> <p>-kỹ thuật: nuôi cấy tế bào động vật có vú: thích hợp</p> <p>- Màu sắc: trắng đến trắng nhạt</p> <p>-mp: 215 °C (thăng 12) (sáng)</p> <p>-phổ hoạt tính kháng sinh</p> <p>Vi khuẩn gram âm</p> <p>Vi khuẩn gram dương</p> <p>-Phương thức hoạt động: tổng hợp thành tế bào can thiệp</p> <p>-nhiệt độ bảo quản: 2-8°C</p>	A0166-5G	Sigma	Chai/5g	1

25	Argan oil		<p>*Chiết xuất 100% từ hạt Argan *Không chất bảo quản, không mùi hóa học *Chứa hàm lượng cao vitamin A, C, E, các chất chống oxi hóa và những acid béo cần thiết, omega 3,6,9, các chất phenol, carotenes, squalene</p>		Mỹ	Chai/100 mL	2
26	Bacterial Strain JM109 (DE3)		<p>Chủng vi khuẩn JM109(DE3), có nguồn gốc từ JM109, chứa một bản sao nhiễm sắc thể của gen T7 RNA polymerase. JM109(DE3) được sử dụng để biểu hiện mức độ cao các gen được tách dòng vào vectơ để biểu hiện trình tự xuôi dòng từ trình tự khởi đầu T7, với điều kiện là trình tự được tạo dòng này chứa vị trí liên kết ribosome. Xin lưu ý: Không thể sử dụng JM109(DE3) để chọn lọc màu blue/white. Kiểu gen: endA1, recA1, gyrA96, thi, hsdR17 (rk-, mk+), relA1, supE44, λ-, Δ(lac-proAB), [F', traD36, proAB, lacIqZΔM15], lDE3.</p>	P9801	Promega	Tuýp/500uL	1
27	Benzene		<p>Công thức phân tử C₆H₆ Từ đồng nghĩa benzen, benzol, Cyclohexatriene, benzole Trọng lượng phân tử 78,11 g/mol Ngày tạo: 2004-09-16 Sửa đổi: 2023-12-02</p>		Trung Quốc	Chai/500ml	2

28	Bismuth Sulphite Agar		Peptone 10.000 HM Peptone B # 5.000 Dextrose (Glucose) 5.000 Disodium phosphate 4.000 Ferrous sulphate 0.300 Bismuth sulphite indicator 8.000 Brilliant green 0.025 Agar 20.000 Final pH (at 25°C) 7.7±0.2	M027-100G	Himedia	chai/100g	2
29	Bovins serum albumin		*Độ tinh sạch: ≥98% *Khối lượng phân tử: ~66 kDa *Được tinh sạch bằng shock nhiệt *Tan trong: nước 40 mg/ml		Sigma	Chai/10g	1
30	Bradford Protein Assay Kit		* 0.1-1.4 mg/ml protein *Trữ lạnh ở 2–8 °C		Sigma	chai/500mL	1
31	Brain Heart Infusion (BHI) Broth		HM infusion powder: 12.500 BHI powder: 5.000 Proteose peptone: 10.000 Dextrose (Glucose): 2.000 Sodium chloride: 5.000 Disodium hydrogen phosphate: 2.500 Final pH (at 25C): 7.4±0.2	M210-100G	Himedia	chai/100g	1

32	Brain Heart Infusion Broth		Thành phần: HM infusion powder # 12.500 g/L BHI powder 5.000 g/L Proteose peptone 10.000 g/L Dextrose (Glucose) 2.000 g/L Sodium chloride 5.000 g/L Disodium hydrogen phosphate 2.500 g/L Final pH (at 25°C) 7.4±0.2		Himedia	Chai/500g	1
33	Brilliant Green Bile Lactose Broth 2%		– Peptone: 10.000 (Gms / Litre) – Lactose: 10.000 (Gms / Litre) – Bile#: 20.000 (Gms / Litre) – Brilliant green: 0.0133 (Gms / Litre)	M121-100G	Himedia	chai/100g	1
34	Buffered Peptone Water		Proteose peptone 10.000 Sodium chloride 5.000 Disodium phosphate, anhydrous 3.500 Monopotassium phosphate 1.500 Final pH (at 25°C) 7.2±0.2	M614	Himedia	chai/500g	2
35	Black clay		*Đất sét hữu cơ siêu nhẹ, siêu mịn, là một nguyên liệu an toàn và được sử dụng nhiều trong các sản phẩm làm đẹp. *Bột màu nâu đậm.		Mỹ	Chai/50 g	2
36	Bronze mica		*Màu Bronze Mica – vàng đồng *Thành phần: Mica (77019), Titanium Dioxide (77891), Iron Oxide (77491) *Được sử dụng trong mỹ phẩm với các sản phẩm son môi, kẻ mắt, trang điểm		Mỹ	Chai/10 g	1

37	BTMS-50		<p>*BTMS 50 là chất nhũ hóa có nguồn gốc từ thực vật, chứa behentrimonium methosulfate là một loại muối amoni bậc bốn có nguồn gốc từ dầu hạt cải (canola oil). Sử dụng nhiều trong các dòng kem dưỡng, kem tẩy tế bào chết, dầu dưỡng tóc,...</p> <p>*INCI: Behentrimonium Methosulfate (and) Cetyl Alcohol (and) Butylene Glycol.</p> <p>*Tính chất vật lý Là dạng hạt, màu trắng, có khả năng kết hợp dầu với nước.</p>		Mỹ	Chai/10 mL	2
38	Camellia seed oil		<p>*Dầu hoa trà được chiết xuất bằng phương pháp ép lạnh từ những hạt hoa trà (Camellia).</p> <p>*Chứa hàm lượng axit oleic cao, và chứa nhiều vitamin A, B, E, khoáng chất khác nhau, P, Zn, Ca, Fe, Mn, Mg và squalene.</p>		Mỹ	Chai/20 mL	2
39	Castor oil		<p>*Dầu thầu dầu là một chất lỏng béo có màu hổ phách nhạt được chiết ra từ hạt cây thầu dầu.</p> <p>*Chất lỏng nhớt, sánh, nặng, màu vàng nhạt, không bay hơi và không bị khô, không tan nước, tỷ trọng 0,959 g/cm³.</p> <p>*Thành phần: Bao gồm 90% ricinoleic, 4% linoleic, 3% oleic, 1% stearic và ít hơn 1% axit béo linolenic.</p>		Việt Nam	Chai/1L	4
40	Labdanum essential oil		<p>*Trọng lượng riêng: 0,868-0,899 @20°C</p> <p>*Chỉ số khúc xạ: 1,492-1,507 @20°C</p> <p>*Độ quay quang học: 47,8° (+)</p>		Pháp	Chai/10 mL	2

41	CCnature Organic Stevia Powder Extract Natural Sweetener Zero Calorie Sugar Substitute 16oz		*Chất tạo ngọt thay thế đường *Không calo, không carb, không gây phản ứng đường huyết, không chất ổn định, không phụ gia		CCnature	gói/2kg g	1
42	Clostridium perfringens selective supplement (T.S.C supplement)		Thành phần: D-Cycloserine 200mg	FD014	Himedia	bộ/ 10 vials	1
43	Coagulase Plasma (from rabbit)		Thành phần: Coagulase Plasma 0.100g	FD248	Himedia	Bộ/5 vials	1
44	Calcium Chloride Dihydrate		Công thức hóa học: $\text{CaCl}_2 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$ Khối lượng phân tử: 110.99 g/mol Độ tinh khiết: $\geq 96.0\%$ Dạng: bột		Trung Quốc	Chai/5 00 g	1

45	Cobalt chloride hexahydrate		<p>Coban(II) clorua là một hợp chất vô cơ của coban và clo, với công thức hóa học CoCl_2. Nó thường có mặt ở dạng ngậm 6 nước $\text{CoCl}_2 \cdot 6\text{H}_2\text{O}$, và là muối coban phổ biến nhất trong phòng thí nghiệm.</p> <p>Dạng ngậm 6 nước có màu tím, trong khi dạng khan của chất này có màu xanh da trời. Do chất này dễ dàng hydrat hóa/mất nước, và việc thay đổi màu sắc tương ứng, coban clorua được sử dụng như một chỉ thị thông báo có nước trong chất chống ẩm.</p>		Trung Quốc	Chai/500g	1
46	Cồn 96	$\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$	<p>Cồn 96 độ Là chất lỏng không màu, không mùi Là chất dễ bay hơi Có mùi thơm đặc trưng Dễ bắt lửa, dễ cháy. Khi cháy có ngọn lửa màu xanh và không có khói Có nhiệt độ sôi ở 78.39 độ C Hóa rắn ở -114.15 độ C Nhẹ hơn nước, dễ tan và tan vô hạn trong nước</p>		Việt Nam	Can/30L	60
47	Dichloran Rose Bengal Chloramphenicol Agar (DRBC Agar)		<p>Peptic digest of animal tissue 5.000 Dextrose 10.000 Monopotassium phosphate 1.000 Magnesium sulphate 0.500 Rose Bengal 0.025 Chloramphenicol 0.100 Dichloran 0.002 Agar 15.000 Final pH (at 25°C) 5.6±0.2</p>	M1881-500G	Himedia	chai/500g	1

48	Disodium phosphate		Dạng rắn, màu trắng Khối lượng mol: 141.957 g/mol pH: 8.7-9.3 ở 20°C, 5% trong nước Tan ít trong nước Nhiệt độ phân hủy: > 240°C		Trung Quốc	Chai/500g	1
49	deMan, Rogosa, Sharpe (MRS) agar Lactobacillus MRS agar		Proteose peptone 10.000 HM Peptone B # 10.000 Yeast extract 5.000 Dextrose (Glucose) 20.000 Tween 80 (Polysorbate 80) 1.000 Ammonium citrate 2.000 Sodium acetate 5.000 Magnesium sulphate 0.100 Manganese sulphate 0.050 Dipotassium hydrogen phosphate 2.000 Agar 12.000 Final pH (at 25°C) 6.5±0.2	M641	Himedia	Chai/100g	2
50	DMEM high glucose		Hình thức: dung dịch Nuôi cấy tế bào Tiệt trùng Earle's salts (5% CO2): yes sodium pyruvate: yes glucose: yes L-glutamine: no HEPES: no Hanks' salts (2% CO2): no phenol red: yes NaHCO3: yes stable glutamine: no Bảo quản: 2-8oC	M4526-500ML	Sigma	Chai/500mL	1

51	Egg Yolk Emulsion		<p>Trạng thái xuất hiện: Nhũ tương Màu sắc: Màu vàng nhạt, không mùi Điều kiện ủ: +2°C đến +8°C Thành phần: Egg yolk: 30ml Sterile saline: 64ml Final pH (at 25C) : 7.60.2</p>	FD045L-50MLX5VL	Himedia	bộ/5vial	1
52	Egg Yolk Tellurite Emulsion		<p>Trạng thái xuất hiện: Nhũ tương Màu sắc: Màu vàng nhạt, không mùi Điều kiện ủ: +2°C đến +8°C Thành phần: Egg yolk: 30ml Sterile saline: 64ml Sterile 3.5% potassium tellurite solution: 6ml Final pH (at 25C) : 7.60.2</p>	FD046L-50MLX5VL	Himedia	bộ/5vials	1
53	Erythrosine		<p>Công thức phân tử: C₂₀H₆I₄Na₂O₅ Trọng lượng phân tử: 879,9 g/mol Mô tả Một tetraiodofluorescein được sử dụng làm chất tạo màu đỏ trong một số thực phẩm (quả anh đào, cá), làm chất tạo mảng bám NHA KHOA và làm chất nhuộm màu của một số loại tế bào. Nó có cấu trúc tương tự THYROXINE.</p>		Án Độ	Chai/500g	1
54	Ethanol, Absolute (200 Proof), Molecular Biology Grade	C ₂ H ₅ OH	<p>Điểm nóng chảy: -114°C Màu sắc: Không màu Công thức phân tử: C₂H₅OH Chỉ số Merck Index: 15, 3814 Khối lượng phân tử (g/mol): 46.069 Độ tinh sạch: ≥99.5%</p>		Fisher	Chai/500ml	2

			Loại: Không chứa DNase-, RNase- và Protease Điểm sôi: 78°C				
55	Ethyl acetate		Dễ hòa tan trong dung môi hữu cơ (alcohol, ether), ít tan trong nước Có thể hòa tan tới 3% nước và độ hòa tan là ~8% ở nhiệt độ phòng. Khối lượng phân tử 88.105 g/mol; Tỷ trọng: 0.897; Nhiệt độ đông đặc: - 83.6°C; Độ nhớt: 0.426cP (20°C); Nhiệt độ sôi: 77.1°C; Áp suất hơi: 14 kPa (20°C); Độ nhớt: 0.426 cP (20°C)		Trung Quốc	Chai/500ml	1
56	Ethylenediaminetetraacetic acid EDTA		Quy cách: 250G Molecular Weight C ₁₀ H ₁₆ N ₂ O ₈ = 292.24 Dạng bột màu trắng Xuất xứ: Xilong Trung Quốc		Trung Quốc	Chai/250g	1
57	Kovac's Indole Reagent		Trạng thái: Dung dịch Màu sắc: Vàng xanh lục Độ hòa tan: Không tan được trong nước Thành phần: p-dimethylamino benzaldehyde 5.000 Amyl alcohol 75.000 Hydrochloric acid, concentrated 25.000	R008	Himedia	chai/100ml	1
58	Fetal Bovine Serum (FBS)		Thích hợp cho nuôi cấy tế bào, hybridoma Cấp chất lượng: 500 Nguồn gốc sinh học: thai bò Thành phần: Bovine IgG, ≤1 mg/mL; *Hemoglobin, ≤20 mg/dL Tạp chất: ≤10 EU/mL endotoxin	F2442-500ML	Sigma	Chai/500mL	1

59	Folin-Ciocalteu		Mật độ 1,24 g/cm ³ (20 °C) Giá trị pH <0,5 (H ₂ O, 20 °C) (Các) Cảnh báo Nguy hiểm H290: Có thể ăn mòn kim loại. Bảo quản Bảo quản ở +15°C đến +25°C.	1090010100	Merck	Chai/1 00 mL	1
60	Foaming silk		*Tính chất vật lý: Dạng gel sánh đặc, màu vàng đậm, tan trong nước, pH 6 - 8		Mỹ	Chai/5 00 g	2
61	Formaldehyde		Công thức hóa học: HCHO - Khối lượng mol: 30,03 g/mol - Ngưỡng mùi: 0,05 - 0,125 ppm - Độ pH: 2,8 - 4 ở 20 °C - Điểm sôi/khoảng sôi: 93 - 96 °C ở 1.013 hPa - Điểm chớp cháy: Khoảng 62 °C - Giới hạn của cháy nổ: 7 - 73 %(V) - Khối lượng riêng: 1,09 g/cm ³ ở 20 °C		Trung Quốc	Chai/5 00ml	2
62	Giemsa stain, modified		Dung dịch azure B/azure II-eosin/xanh methylene 1:12:2 (w/w/w) trong glycerol/methanol 5:24 (v/v); Tổng hàm lượng thuốc nhuộm: 0.6 % (w/w)	48900	Sigma	Chai/5 00ml	1
63	Glucose	C ₆ H ₁₂ O 6	"Khối lượng riêng 1.54g/cm ³ Điểm nóng chảy α-D-glucose: 146 °C β-D-glucose: 150 °C Độ hòa tan trong nước 91 g/100 ml (25 °C) Độ hòa tan trong methanol/ethanol 0.037 M/0.006 M Khối lượng mol: 198.17 g/mol Dạng: tinh thể màu trắng"		Trung Quốc	Chai/5 00g	1

64	Hexane		<p>Trạng thái Chất lỏng trong suốt, không màu, rất dễ cháy, có mùi hôi như xăng.</p> <p>Áp suất hóa hơi :17,60 kPa (ở 20,0 ° C)</p> <p>Độ nhớt: 3,26 X 10⁻⁴ Pa-s ở 20 độ C</p> <p>Độ hòa tan: 9,5 mg L⁻¹</p>		Trung Quốc	Chai/500 ml	19
65	HBs Ag one Version ULTRA (scr. (Bộ test kit ELISA phát hiện HBsAg/huyết thanh)		<p>"Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch enzym dùng để phát hiện kháng nguyên bề mặt viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương người</p> <p>Coating: Mixture of Anti HBV surface antigen mouse monoclonal antibodies</p> <p>Incubation Time:</p> <p>60 min sample / 30min conjugate</p> <p>30 min substrate (total 2.0 hours)</p> <p>Incubation Temp.: 37°C</p> <p>Assay Volumes:</p> <p>25µl diluent / 75µl sample / 50µl conjugate</p> <p>100µl substrate (TMB) / 50µl stop solution</p> <p>Wash Steps:</p> <p>One wash step with 5x washes each.</p> <p>Each wash using 500µl of wash buffer"</p>	SAG1ULTRA.CE.96	DiaPro (Ý)	Kit/12 Strip/96 pu	3
66	HiPer® Counter Current Immunoelectrophoresis Teaching Kit		<p>"Dùng để kiểm tra nhanh bất kỳ kháng huyết thanh nào về sự hiện diện và tính đặc hiệu của kháng thể đối với một kháng nguyên cụ thể</p> <p>Bộ kit bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Agarose • 50XTAE • Positive Control (Antiserum) • Test Antiserum 1 • Test Antiserum 2 • Test Antiserum 3 	HTI007-20PR	Án Độ	Kit/20 rxn	2

			<ul style="list-style-type: none"> • Antigen • Glass plate • Template • Gel puncher" 				
67	HiPer® Ouchterlony Double Diffusion Teaching Kit		<p>"Kit xác định các kháng nguyên cụ thể trong một chế phẩm bằng nguyên lý khuếch tán miễn dịch trong gel để đánh giá phản ứng của một kháng nguyên với một tập hợp các kháng thể sử dụng</p> <p>Nguyên lý: Trong khuếch tán miễn dịch cả kháng nguyên và (hoặc) kháng thể khuếch tán về phía nhau trong môi trường bán rắn đến một điểm cho đến khi đạt được nồng độ tối ưu tạo một dải kết tủa</p> <p>Bộ kit bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Agarose • 10X Assay buffer • Antiserum X • Antiserum Y • Antiserum Z • Antigen X1 • Antigen X2 • Antigen Y1 • Antigen Y2 • Antigen Z1 • Antigen Z2 • Glass plate • Gel puncher • Template" 	HTI002-10PR	Ấn Độ	Kit/10 rxn	3

68	HiPer® Radial Immunodiffusion Teaching Kit	<p>"Đánh giá miễn dịch khuếch tán vòng tròn Phương pháp miễn dịch định lượng được sử dụng để phát hiện nồng độ kháng nguyên bằng cách đo đường kính của vòng preipitin được hình thành do sự tương tác của kháng nguyên và kháng thể ở nồng độ tối ưu. Trong phương pháp này, kháng thể được kết hợp vào gel agarose trong khi kháng nguyên khuếch tán theo vòng tròn. Bộ kit bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Agarose • 10X Assay buffer • Antiserum • Standard Antigen A • Standard Antigen B • Standard Antigen C • Standard Antigen D • Test Antigen 1 • Test Antigen 2 • Glass plate • Gel puncher • Template" 	HTI004-20PR	Ấn Độ	Kit/20 rxn	2
69	HiPer® Rocket Immunoelectrophoresis Teaching Kit	<p>"Xác định nồng độ kháng nguyên trong mẫu chưa biết dựa vào kỹ thuật Rocket Immunoelectrophoresis Phương pháp miễn dịch chọn lọc một chiều định lượng này so sánh mẫu kháng nguyên có nồng độ chưa biết với một loạt pha loãng nồng độ kháng nguyên đã biết và yêu cầu một kháng thể đơn dòng kháng lại kháng nguyên đang được nghiên cứu. Trong phương pháp này, kháng nguyên di chuyển từ giếng thông qua gel agarose có chứa antiserum, tạo thành các đỉnh preipitin hình tên lửa. Chiều cao của đỉnh này tỷ lệ thuận với nồng độ của kháng nguyên được nạp trong giếng tương ứng. Bộ kit bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Agarose • 50X TBE 	HTI006-20PR	Ấn Độ	Kit/20 rxn	2

			<ul style="list-style-type: none"> • Antiserum • Standard Antigen 1 • Standard Antigen 2 • Standard Antigen 3 • Standard Antigen 4 • Test Antigen A • Test Antigen B • Template • Glass plate • Gel puncher" 				
70	Hotstar Taq Master mix kit		HotStarTaq Master Mix Kit bao gồm: 3 x 0.85 ml HotStarTaq Master Mix (bao gồm 250 units of HotStarTaq DNA polymerase, PCR buffer bao gồm 3 mM MgCl ₂ và 400 μ M của mỗi dNTP) và 2 x 1.7 ml nước phân tử không chứa RNase	203443	Qiagen	Kit/25 Orxn (10ul Taq/rxn)	1
71	Hyaluronidase		<p>Cấp chất lượng: 200 Hyaluronidase từ tinh hoàn bò, Type I-S Trạng thái: dạng bột đông khô Hoạt động cụ thể: 400-1000 đơn vị/mg rắn Khối lượng mol: ~55 kDa (4 đơn vị con ~ 14 kDa mỗi đơn vị) Bảo quản: -20°C</p>	H4272-30MG	Sigma	Hộp/30mG	1
72	Hydrobromic Acid	HBr	<ul style="list-style-type: none"> - Tồn tại dưới dạng chất lỏng không màu, trong suốt với khối lượng riêng là 1,49 g/cm³. - Trọng lượng phân tử: 80,91 g/mol. - Nhiệt độ sôi: 122 độ C ở 700mmHg. - Nhiệt độ nóng chảy: -11 độ C. - Độ axit pKa: -9, thể hiện tính axit mạnh. - Là chất có tính ăn mòn, không bắt lửa. - Độ tan: Tan tốt trong nước. 		Trung Quốc	Chai/500ml	1

73	Hydrogen peroxide 30%		H ₂ O ₂ là một hợp chất lỏng không màu với mùi hắc. Áp suất hóa hơi của nó ở nhiệt độ 30 độ C, và có thể hoàn toàn hòa tan trong nước. Tỷ trọng của nó là 1,4 g/cm ³ trong dạng lỏng, và nó có thể hòa tan trong một số chất lỏng cụ thể. Điểm nóng chảy của hydro peroxide là -11 °C (12 °F; 262 K) và điểm sôi là 141 °C (286 °F; 414 K). Giá trị pKa của nó là 11,65 và độ nhớt là 1,245 cP ở 20 °C.		Trung Quốc	chai/500ml	5
74	Hydroquinone	C ₆ H ₆ O ₂	Bề ngoài chất rắn màu trắng Khối lượng riêng 1.3 g cm ⁻³ , thể rắn Điểm nóng chảy 172 °C (445 K; 342 °F) Điểm sôi 287 °C (560 K; 549 °F) Độ hòa tan trong nước 5.9 g/100 mL (15 °C) Áp suất hơi 0.00001 mmHg (20°C)[2] Độ axit (pKa) 9.9[3] MagSus -64.63·10 ⁻⁶ cm ³ /mol		Trung Quốc	Chai/500g	1
75	Imidazole	C ₃ H ₄ N ₂	- Cảm quan: Tồn tại dưới dạng chất rắn màu trắng hoặc vàng nhạt. - Khối lượng phân tử: 68,077 g/mol. - Trọng lượng riêng: 1,23 g/cm ³ . - Nhiệt độ nóng chảy: 81 - 91 độ C tương ứng với 362 - 364 K. - Nhiệt độ sôi: 256 độ C tương ứng với 529 K. - Độ hòa tan: + Tan được trong nước. + Tan tốt trong ethanol. + Hòa tan trong diethyl ether, acetone, pyridin. + Ít tan trong benzen. - Điểm chớp cháy: 145 °C/ 293 °F. - Áp suất hơi: 0,003 mbar ở 20 °C. - Độ axit: pKa = 14,5.		Trung Quốc	Chai/100g	1

76	Imidazole Hydrochloride	C ₃ H ₄ N ₂ .HCl	<p>Xét nghiệm $\geq 98\%$ (TLC) $\geq 98,5\%$ (chuẩn độ axit perchloric) Cấp chất lượng: 200 dạng: bột pH: 9,0-10,0 mp: 158-161 °C (sáng) độ hòa tan: metanol: 50 mg/mL, trong, không màu đến màu vàng nhạt (các) ứng dụng: sản xuất xét nghiệm chẩn đoán Chuỗi SMILES: Cl.c1c[nH]cn1 InChI 1S/C₃H₄N₂.ClH/c1-2-5-3-4-1;/h1-3H,(H,4,5);1H InChI key JDIIGWSSTNUWGK-UHFFFAOYSA-N</p>	I3386-100G	Merck	Chai/100g	1
77	Iodine		<p>*Trạng thái: dạng bột màu xanh hoặc đen *Độ hòa tan: 33.3 mg/1 mL của chloroform *Chloride và Bromide (Cl) : $\leq 0.005\%$ *Độ tinh khiết: 99.90 - 102.00%</p>		Trung Quốc	chai/250g	1
78	IPTG (Isopropyl β -D-1-thiogalactopyranoside)		<p>-Mô tả: không ion -Mức chất lượng: 300 -Xét nghiệm: $\geq 99\%$ (TLC) -Dạng: bột -Kỹ thuật: sắc ký lớp mỏng (TLC): phù hợp -Tạp chất: 10,0-22,0% Dioxan -Nhiệt độ bảo quản: 2-8°C -InChI: 1S/C₉H₁₈O₅S/c1-4(2)15-9-8(13)7(12)6(11)5(3-10)14-9/h4-13H,3H2,1-2H3/t5 -,6+,7+,8-,9+/m1/s1 -Inchi Khóa: BPHPUYQFMNQIOC-NXRLNHOXSA-N</p>	I5502-1G	sigma	Chai/1g	2

79	Isopropanol for molecular biology	(CH ₃) ₂ CHOH HOH	Linear Formula: (CH ₃) ₂ CHOH Assay range: 99.5% Grade: molecular biology grade and is suitable for the precipitation of nucleic acids	I9516-500ML	Sigma	Chai/500ml	1
80	Lactose Gelatin Agar		Lactose 10.000 Disodium phosphate 5.000 Gelatin 120.000 Phenol red 0.050 Final pH (at 25°C) 7.5±0.2	M987-100G	Himedia	chai/100g	1
81	L-Ascorbic Acid		*Công thức hóa học: C ₆ H ₈ O ₆ *Khối lượng phân tử: 176,14 g/mol *Điểm nóng chảy: 190 đến 192 °C		Himedia	Chai/100g	1
82	Lauryl Tryptose Broth (Lauryl Sulphate Broth)		Tryptose 20.000 Lactose 5.000 Sodium chloride 5.000 Dipotassium hydrogen phosphate 2.750 Potassium dihydrogen phosphate 2.750 Sodium lauryl sulphate (SLS) 0.100 Final pH (at 25°C) 6.8±0.2	M080-100G	Himedia	chai/100g	1
83	L-Glutamine		Cơ quan: đáp ứng các thông số kỹ thuật thử nghiệm USP Xét nghiệm: 99,0-101,0% dạng bột (các) kỹ thuật nuôi cấy tế bào động vật có vú: thích hợp tạp chất nội độc tố, đã được thử nghiệm màu trắng mp 185 °C (tháng 12) (sáng) độ hòa tan H ₂ O: 25 mg/mL	G8540-100G	Sigma	Hộp/100G	1

84	Luria Bertani Broth Miller		<p>*Miller's LB là một môi trường tăng trưởng vi sinh vật có tính tham chiếu cao được sử dụng để nuôi cấy vi khuẩn E. coli. Môi trường vi sinh giàu chất dinh dưỡng này chứa peptit, axit amin, vitamin tan trong nước và carbohydrate.</p> <p>*Thành phần: NaCl, 10 g/L Tryptone, 10 g/L Yeast Extract, 5 g/L</p>	M1245-500G	Himedia	Chai/500g	1
85	MacConkey		<p>*Một môi trường khác biệt được khuyến nghị để chọn lọc và phục hồi Enterobacteriaceae.</p> <p>*Thành phần: (g/L) peptic digest of animal tissue 20.0 Lactose 10.00 Bile salts 1.50 Sodium chloride 5.00 Crystal violet 0.001 Neutral red 0.05 Agar 15.00</p>		Himedia	Chai/500g	1
86	Magnesium Sulfate Heptahydrate		<p>*Công thức hóa học: $MgSO_4 \cdot 7H_2O$</p> <p>*Khối lượng phân tử: 246.47</p> <p>*Độ tinh sạch: $\geq 99.5\%$</p> <p>*pH ~ 7.9 (25 °C, 50 g/L)</p>		Trung Quốc	Chai/500g	1
87	Mannitol Salt Agar		<p>là môi trường chọn lọc được đề xuất cho phân lập chẩn đoán mầm bệnh staphylococci. Hầu hết các vi khuẩn đều bị ức chế bởi nồng độ muối cao ngoại trừ một vài vi sinh vật ưa mặn. Sự chẩn đoán staphylococci với coagulase dương tính được thể hiện bằng khuẩn lạc có viền màu vàng sáng xung quanh trong khi chủng staphylococci không gây</p>	GM118-500G	Himedia	Chai/500g	1

			<p>bệnh sẽ có khuẩn lạc bao quanh bởi vùng màu hơi đỏ hoặc đỏ tía</p> <ul style="list-style-type: none"> - Proteose peptone: 10.000 Gms/L - Peptone B: 1.000 Gms/L - Natri clorua: 75.000 Gms/L - D-Mannitol: 10.000 Gms/L - Phenol đỏ: 0,025 Gms/L - Agar: 15.000 Gms/L <p>Hình thể: hạt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu vàng nhạt đến hồng - Màu sắc và độ trong của môi trường pha chế: Màu đỏ rõ ràng đến dạng hơi đục trong các tấm Petri. - PH (ở 25 °C): 7,4 ± 0,2 				
88	Methanol		<p>Công thức hóa học: CH₃OH/CH₄O</p> <p>Khối lượng phân tử: 32,04 g/mol</p> <p>Trạng thái: Chất lỏng không màu</p> <p>Tỷ trọng: 0,792 g/cm³</p> <p>Nhiệt độ nóng chảy: -97,6°C (-143,7° F, 175,6K)</p> <p>Nhiệt độ sôi: 64,7°C (148,5° F, 337,8K)</p> <p>Áp suất hơi: 13,02 kPa (20°C)</p> <p>Điểm sáng: 11-12°C (52-54°F, 284-285K)</p> <p>Nhiệt độ tự bốc cháy: 470°C (878° F, 743K)</p>		Trung Quốc	Chai/500ml	2
89	Methanol for HPLC	CH ₃ OH	<p>Dùng cho HPLC ≥ 99.9%</p> <p>Khối lượng phân tử 32,04 g/mol</p> <p>Khối lượng riêng 0.791 g/mL at 25 °C (lit.)</p> <p>Trạng thái Chất lỏng trong suốt, không màu, nhẹ, dễ bay hơi, tan hoàn toàn trong nước, có mùi đặc trưng.</p> <p>Là một dung môi khá độc</p> <p>Độ hấp thụ UV:</p> <p>λ: 205 nm Atối đa: ≤1.00</p> <p>λ: 210 nm Atối đa: ≤0.60</p> <p>λ: 220 nm Atối đa: ≤0.30</p>	<u>Code.1060182500</u>	Merck	Chai/2.5 L	2

			<p>λ: 230 nm Atối đa: ≤0.20 λ: 235 nm Atối đa: ≤0.10 λ: 240 nm Atối đa: ≤0.10 λ: 260 nm Atối đa: ≤0.04 λ: 280 nm Atối đa: ≤0.01 λ: 400 nm Atối đa: ≤0.01</p>				
90	Methyl Orange		<p>Khối lượng phân tử: 327.33 g/mol Khối lượng riêng: 1.28 g/cm³. Tỷ trọng: 1,28 g /cm³ Nhiệt độ nóng chảy: không xác định ở hơn 300°C Nhiệt độ sôi: 249°C Độ hòa tan trong nước: 0,5g /100ml, ít tan trong nước, tan được trong nước nóng. Bị phân hủy ở nhiệt độ cao Báo cáo nguy cơ GHS: H602</p>		Trung Quốc	Chai/25g	1
91	Mitomycine C		<p>Dạng Bột Thích hợp cho nuôi cấy tế bào Màu xám tím/ xanh (1) 3.2, (2) 6.5 độ hòa tan H₂O: 4 mL/lọ, trong đến hơi đục, xanh đến tím (Dung dịch stock cần được diệt khuẩn và trữ 2-8 °C trong môi trường tối.) Phổ hoạt động kháng sinh : vi khuẩn gam am và dương</p>	M4287-2MG	Sigma	Hộp/2mG	1
92	Mono Sodium Citrate	HOC(COONa)	<p>Công thức hóa học: C₆H₇NaO₇ Công thức dạng thăng: HOC(COONa)(CH₂COOH)₂ Khối lượng phân tử: 214.105 g·mol⁻¹ Chỉ số ChemSpider ID: 27304 Tính tan trong nước: tan Điểm sôi: 309.6 °C (589.3 °F; 582.8 K)</p>	-	Trung Quốc	Chai/500g	1

93	Mueller Hinton Broth	<p>Hình thể: Hạt Màu sắc: Màu kem đến màu vàng Màu sắc và độ trong của môi trường pha chế: Dung dịch màu hổ phách sáng màu trong ống Phản ứng của dung dịch nước 2.1% w / v ở 25 ° C. pH: 7.3±0.1 pH: 7.20-7.40 Thành phần (g/l): – Chiết xuất thịt bò: 300.000 – Axit casein thủy phân: 17.500 – Tinh bột: 1.500 Công dụng: Được sử dụng chủ yếu trong quá trình xác định tính mẫn cảm của Sulphonamides và các vi khuẩn thông qua phương pháp pha loãng ống. Hướng dẫn sử dụng: – Sử dụng 1000ml nước tinh khiết/nước cất với 21,0 gam hóa chất. – Đun sôi dung dịch để hóa chất có thể trộn đều hỗn hợp và khiến cho hỗn hợp hoàn toàn hòa tan. – Chia nhỏ hỗn hợp ra bình chứa hay ống nghiệm phù hợp, hấp khử trùng khoảng 15 phút với áp suất 15 lbs (121 ° C). – Lưu ý: Nên đun sôi môi trường trước khi hấp để tránh lắng tinh bột ở đáy. Bảo quản: Bảo quản dưới 30 °C trong hộp đậy kín và ở 2 – 8 °C với môi trường đã chuẩn bị</p>		Himedia	Chai/500g	1
94	n-butyl alcohol (n-Butanol)	<p>Công thức phân tử: C₄H₁₀O Khối lượng phân tử: 74,12 Điểm chớp cháy (cốc kín): 29 °C (84,2 °F) Nhiệt độ tự bốc cháy: 343 °C (649,4 °F) Điểm sôi: 117 °C (242,6 °F) Điểm nóng chảy: -90 °C (-130 °F) Áp suất hơi: 0,58 kPa ở 20 °C (68 °F) Mật độ: 0,81 ở 20 °C (68 °F) Nhật ký P: 0,88</p>		Trung Quốc	Chai/500ml	2

95	n-Hexane		Chất lỏng trong suốt, không màu, rất dễ cháy, có mùi hôi như xăng. Nồng độ ngưỡng mùi là 1,5 ppmv đã được báo cáo bởi Nagata và Takeuchi (1990). Áp suất hóa hơi :17,60 kPa (ở 20,0 ° C) Độ nhớt: 3,26 X 10 ⁻⁴ Pa-s ở 20 độ C Độ hòa tan: 9,5 mg L ⁻¹		Trung Quốc	Chai/500ml	4
96	Ni-NTA Agarose		Tinh chế một bước từ dịch ly giải thô thành protein tinh khiết >95% Ái lực gắn kết cao và công suất cao Lựa chọn tinh chế trong điều kiện tự nhiên hoặc biến tính Ma trận được nạp sẵn, sẵn sàng sử dụng cho mọi quy mô thanh lọc Các giao thức xét nghiệm và tinh chế tự động	124114376	Qiagen	Chai/25ml	1
97	NTA- sepharose		-thời hạn sử dụng: Xin lưu ý rằng sản phẩm này có thể được vận chuyển 90 ngày trước ngày hết hạn. Để biết thêm thông tin về ngày hết hạn cụ thể của từng lô, vui lòng liên hệ với bộ phận dịch vụ kỹ thuật. -Quy cách đóng gói: hộp 25ml -nhà sản xuất/tên thương mại: Cytiva 17-5268-01 -ma trận: agarose 6% liên kết chéo cao -trung bình phần. kích thước: 34 mm -làm sạch tại chỗ: 2-14(Ni ²⁺ -striped Medium.) -phạm vi làm việc: 3-12(Ni ²⁺ -trung bình.) -khả năng: Khả năng liên kết ≥40 mg (môi trường protein/ml được gắn thẻ histidine) (Khả năng liên kết protein phụ thuộc vào protein với protein.)	GE17-5268-01	Qiagen	Chai/25ml	1

98	Gordon-McLeod Reagent (Oxidase reagent)		Màu sắc: dung dịch màu đen Thành phần: N,N-Dimethyl p-phenylenediaminehydrochloride 0.150 gm Distilled water 10.000 ml	R026-100ML	Himedia Ấn Độ	chai/100ml	1
99	pBR322		<p>Phương pháp nhân bản: Enzyme hạn chế/MCS Nồng độ: 0,5 µg/µL Loại mẫu: DNA Loại sản phẩm cuối cùng: DNA Đề sử dụng với (Ứng dụng): Nhân bản Loại sản phẩm: DNA Plasmid Số lượng: 100 g Vectơ: pBR322 pBR322 có chiều dài 4361 bp và chứa:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bản sao chịu trách nhiệm sao chép plasmid (nguồn – plasmid pMB1) • Gen rop, mã hóa protein Rop, thúc đẩy quá trình chuyển đổi phức hợp RNA I – RNA II không ổn định thành phức hợp ổn định và có tác dụng làm giảm số lượng bản sao (nguồn – plasmid pMB1) • Gen bla mã hóa beta-lactamase có khả năng kháng ampicillin (nguồn – transposon Tn3) • Gen tet mã hóa protein kháng tetracycline (nguồn – plasmid pSC101) • Trình tự vòng tròn được đánh số sao cho 1 là T đầu tiên của vị trí EcoRI GAATTC duy nhất và số lượng tăng dần thông qua gen tet và vật liệu pMB1 và cuối cùng là qua vùng Tn3. 	SD0041	Invitrogen	Tuýp/100ug	1

100	Pectin		Là một chất keo hút nước và rất dễ tan trong nước, khoảng tan trong ethanol. Trạng thái dạng bột	GRM396-100G	Himedia	Lọ/100g	2
101	Petroleum ether (30-60) hoặc 60-90		Khối lượng phân tử: 82,2 g/ mol Độ nóng chảy: <-73 ° C (99 ° F; 200 K) Nhiệt độ bốc cháy: 240°C Tỷ trọng: 0,653 g/ml Điểm sôi: 42 nhiệt 62°C (108 m°C 144°F; 315 s°C 335 K) Áp suất hơi: 1 kPa (20°C) Độ nhớt: 0,46 mPa.s		Trung Quốc	Chai/500ml	4
102	pH buffer 10.01		Độ chính xác ở 25oC 10.01 ± 0.01 pH Quy cách: - Chai nhựa 500mL có nhãn màu tím - Dung dịch không màu	HI7010L	Hanna	Chai/500ml	2
103	pH Buffer 4.01		Dung dịch chuẩn pH 4.01 NIST - Độ chính xác ±0.01 pH @25°C - Bảng giá trị pH thực tế theo nhiệt độ được in trên thân chai	HI7004L	Hanna-Mỹ	chai/500ml	4
104	pH Buffer 7.01		Dung dịch chuẩn pH 7.01 NIST - Độ chính xác ±0.01 pH @25°C - Bảng giá trị pH thực tế theo nhiệt độ được in trên thân chai	HI7007L	Hanna-Mỹ	chai/500ml	4
105	Dung dịch bảo quản điện cực		- Dùng để bảo quản điện cực thủy tinh pH hoặc ORP - Kích hoạt lại điện cực bị đơ chậm - Bảo quản điện cực pH là bắt buộc và quan trọng	HI70300L	Hanna	Chai/500 mL	4

106	Pink mica		*Thành phần: Mica, Titanium Dioxide, Iron Oxide		Mỹ	Chai/10 g	2
107	Plate Count Agar (Standard Methods Agar)		Purified Water Pancreatic Digest of Casein 5.0 g Yeast Extract 2.5 Glucose 1.0 Agar 15.0 pH 7.0 +/- 0.2	M091-100G	Himedia	chai/100g	2
108	p-nitrophenol		*Công thức hóa học: O ₂ NC ₆ H ₄ OH *Khối lượng phân tử: 139.11		Sigma	Chai/100mL	1
109	Pomelo essential oil		Màu sắc: trong suốt pH: 5,4 – 5,8 Tinh dầu bưởi. Nguồn gốc thiên nhiên. Độ tinh khiết cao		Việt Nam	Lọ/10 ml	2
110	Potassium Acetate		*Công thức hóa học: CH ₃ CO ₂ K *Khối lượng phân tử: 98,15 g/mol *Độ hòa tan: tan trong Etanol, ammonia; không tan trong Diethyl ether, Axeton *Trạng thái: dạng bột/tinh thể, màu trắng *Nhiệt dung (C): 109.38 J/mol·K		Trung Quốc	Chai/500g	1
111	Potassium bicarbonate - USP (pharmaceutical grade)		"*Không có chất phụ gia. Không chất bảo quản. Không có chất độn hoặc chất kết dính. Không chứa gluten và không biến đổi gen *Thích hợp để tạo men trong làm bánh hoặc sử dụng trong sản xuất rượu vang"		Prescribed for Life	Túi/2kg	1

112	Potassium carbonate - USP (pharmaceutical grade)		<p>*Có thể được sử dụng để tráng men với các chức năng nướng và thực phẩm khác</p> <p>*Làm sạch bề mặt hiệu quả</p> <p>*Còn được gọi là bột tạt</p> <p>*Hòa tan trong dung dịch có pH kiềm</p>		Prescribed for Life	Túi/2kg	1
113	Potassium hydrogen iodate		<p>CAS: 13455-24-8</p> <p>Công thức phân tử: HI_2KO_6</p> <p>Trọng lượng phân tử (g/mol): 389,909</p> <p>Số MDL: MFCD00011400</p> <p>Khóa InChI</p> <p>ACAYDTMSDROWHW-UHFFFAOYSA-MHiển thị thêm</p> <p>CID PubChem: 23700942</p> <p>Tên IUPAC: kali; axit iodic; iodat</p> <p>Mỉm cười</p> <p>$\text{OI}(=\text{O})=\text{O}.\text{[O-]I}(=\text{O})=\text{O}.\text{[K+]}$</p> <p>Dạng vật lý: Bột</p> <p>Phạm vi phần trăm khảo nghiệm: 99,95-100,05%</p> <p>Trọng lượng công thức: 389,91</p> <p>Lớp: ACS</p> <p>Màu trắng</p> <p>Số lượng: 25 g</p> <p>Độ hòa tan: Hòa tan trong nước</p> <p>Tên hóa học hoặc vật liệu: Kali hydro iodat, tiêu chuẩn cơ bản</p>		Fisher	Chai/100g	1

114	Potassium iodide		<p>Điểm nóng chảy: 681 °C ID IUPAC: Potassium iodide Công thức: KI Khối lượng phân tử: 166,0028 g/mol Mật độ: 3,12 g/cm³ Điểm sôi: 1.330 °C Có thể hòa tan trong: Nước</p>		Trung Quốc	chai/500g	1
115	Primer MecA147-F	GTGAA GATAT ACCAA GTGATT	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản. Trình tự: GTGAAGATATACCAAGTGATT Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/100 μM	1
116	Primer MecA147-R	ATGCG CTATAG ATTGA AAGGA T	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản. Trình tự: ATGCGCTATAGATTGAAAGGAT Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/100 μM	1

117	Primer SCCmec ccr4-Fd	ATCGCT CATTAT GGATA CYGC	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản.</p> <p>Trình tự: ATCGCTCATTATGGATACYGC</p> <p>Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/ 100 μM	1
118	Primer SCCmec ccr4-R5	CCATTT TTTGAT AACCT GAACG	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản.</p> <p>Trình tự: CCATTTTTTGATAACCTGAACG</p> <p>Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/ 100 μM	1
119	Primer SCCmec ccr4-R6	CTATTT TTTTAT AGCCT GAACG	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản.</p> <p>Trình tự: CTATTTTTTTATAGCCTGAACG</p> <p>Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/ 100 μM	1

120	Primer SCCmec I-F	GCTTTA AAGAG TGTCGT TACAG G	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản.</p> <p>Trình tự: GCTTTAAAGAGTGTCGTTACAGG</p> <p>Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/ 100 μM	1
121	Primer SCCmec II-F	CGTTGA AGATG ATGAA GCG	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản.</p> <p>Trình tự: CGTTGAAGATGATGAAGCG</p> <p>Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/ 100 μM	1
122	Primer SCCmec II-F2	TAGCTT ATGGT GCTTAT GCG	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản. Trình tự: TAGCTTATGGTGCTTATGCG</p> <p>Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/ 100 μM	1

123	Primer SCCmec III-F	CCATAT TGTGTA CGATG CG	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản.</p> <p>Trình tự: CCATATTGTGTACGATGCG</p> <p>Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/ 100 μ M	1
124	Primer SCCmec III-F5	TTCTCA TTGATG CTGAA GCC	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản.</p> <p>Trình tự: TTCTCATTGATGCTGAAGCC</p> <p>Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/ 100 μ M	1
125	Primer SCCmec III-R	CCTTAG TTGTCG TAACA GATCG	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản.</p> <p>Trình tự: CCTTAGTTGTCGTAACAGATCG</p> <p>Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/ 100 μ M	1

126	Primer SCCmec III-R6	GTGTA ATTTCT TTTGAA AGATA TGG	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản.</p> <p>Trình tự: GTGTAATTTCTTTTGAAAGATATGG</p> <p>Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/ 100 μM	1
127	Primer SCCmec II-R	CGAAA TCAATG GTTAAT GGACC	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản.</p> <p>Trình tự: CGAAATCAATGGTTAATGGACC</p>		IDT	ống/ 100 μM	1
128	Primer SCCmec II-R2	GTGCAT GATTTC ATTTGT GGC	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản.</p> <p>Trình tự: GTGCATGATTTCATTTGTGGC</p> <p>Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/ 100 μM	1
129	Primer SCCmec I-R	GTTCTC TCATAG TATGAC GTCC	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản.</p> <p>Trình tự: GTTCTCTCATAGTATGACGTCC</p> <p>Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/ 100 μM	1

130	Primer SCCmec IVa-F	GCCTTA TTCGAA GAAAC CG	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản.</p> <p>Trình tự: GCCTTATTCGAAGAAACCG</p> <p>Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/ 100 μM	1
131	Primer SCCmec IVa-R	CTACTC TTCTGA AAAGC GTCG	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản.</p> <p>Trình tự: CTACTCTTCTGAAAAGCGTCG</p> <p>Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/ 100 μM	1
132	Primer SCCmec IVb-F	TCTGGA ATTACT TCAGCT GC	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản.</p> <p>Trình tự: TCTGGAATTACTTCAGCTGC</p> <p>Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/ 100 μM	1

133	Primer SCCmec IVb-R	AAACA ATATTG CTCTCC CTC	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản.</p> <p>Trình tự: AAACAATATTGCTCTCCCTC</p> <p>Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/ 100 μM	1
134	Primer SCCmec IVc-F2	CCTGA ATCTAA AGAGA TACACC G	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản.</p> <p>Trình tự: CCTGAATCTAAAGAGATACACCG</p> <p>Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/ 100 μM	1
135	Primer SCCmec IVc-R2	GGTTAT TTTCAT AGTGA ATCGC	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản.</p> <p>Trình tự: GGTTATTTTCATAGTGAATCGC</p> <p>Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/ 100 μM	1

136	Primer SCCmec IVd-F5	CTCAA AATAC GGACC CCAAT ACA	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản.</p> <p>Trình tự: CTCAA AATACGGACCCCAATACA</p> <p>Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/ 100 μM	1
137	Primer SCCmec IVd-R6	TGCTCC AGTAA TTGCTA AAG	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản.</p> <p>Trình tự: TGCTCCAGTAATTGCTAAAG</p> <p>Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/ 100 μM	1
138	Primer SCCmec IVE-F3	CAGATT CATCAT TTCAAA GGC	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản.</p> <p>Trình tự: CAGATTCATCATTTCAAAGGC</p> <p>Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/ 100 μM	1

139	Primer SCCmec IVE-R4	AACAA CTATTA GATAA TTTCCG	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản.</p> <p>Trình tự: AACAACTATTAGATAATTTCCG</p> <p>Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/ 100 μM	1
140	Primer SCCmec V-F	GAACA TTGTTA CTTAAA TGAGC G	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản. Trình tự: GAACATTGTTACTTAAATGAGCG</p> <p>Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/ 100 μM	1
141	Primer SCCmec V-R	TGAAA GTTGTA CCCTTG ACACC	<p>Đây là các đoạn oligo-nucleotide dài khoảng 20 nucleotide và bắt cặp bổ sung đặc hiệu cho 2 đầu trình tự mục tiêu cần nhân bản.</p> <p>Trình tự: TGAAAGTTGTACCCTTGACACC</p> <p>Được sản xuất dưới dạng đông khô, cần được pha với nước hoặc dung dịch đệm theo đúng thể tích cần thiết trước khi sử dụng. Nồng độ khi pha ra dung dịch chuẩn/gốc sẽ là 100 μM hoặc 100 pmol/μl.</p>		IDT	ống/ 100 μM	1
142	Proteinase K, recombinant, PCR grade		<p>Nồng độ: >600 U/mL (~20 mg/mL)</p> <p>Số lượng: 1 mL</p> <p>Loại: Proteinase K</p> <p>Dạng: Lỏng</p>	EO0492	Thermo Scientific	5 x 1.0 mL /hộp (20mg/ml)	1

143	pRSET-EmGFP	<ul style="list-style-type: none"> -Hệ thống cấu thành hoặc cảm ứng: Cảm ứng -Tác nhân cảm ứng: IPTG -Promoter: T7 -Loại sản phẩm: Vectơ biểu hiện vi khuẩn -Gene phóng viên: GFP (EmGFP) -Tác nhân chọn lọc (Eukaryotic): Không có -Vi khuẩn kháng kháng sinh: Ampicillin (AmpR) -Sự phân tách: Trang web công nhận EK (Enterokinase) -Protein Tag: His Tag (6x), Xpress Epitope Tag -Phương pháp nhân bản: Enzyme hạn chế/MCS -Vector: pRSET -Dòng sản phẩm: Màu sắc sống động™ 	V35320	Invitrogen	Chai/10µg	1
144	RNase A	<p>Nồng độ: 10 mg/mL Enzyme: RNase Số lượng: 1 unit of 10 mg</p>	EN0531	Thermo Scientific	Lọ/10 mg	1
145	Saline Peptone Water	<p>Peptone 20.000 Sodium chloride 20.000 pH after sterilization (at 25°C) 8.6±0.2</p>	1450	Conda-Tây Ban Nha	chai/500g	1
146	Sillicagel	<p>Thương hiệu: Xilong Công thức hóa học: SiO₂.nH₂O Giá trị pH: 7 Tinh thể màu xanh, không tan trong nước Nhiệt độ nóng chảy: >1600 độ C Nhiệt độ sôi: 2230 độ C Tỷ trọng: 2,1 g/cm³</p>		Trung Quốc	hộp/500g	15

147	Sodium bicarbonate - USP (pharmaceutical grade)		<ul style="list-style-type: none"> *USP Pharmaceutical Grade *Không chứa Aluminum *Hoàn toàn tự nhiên *Công dụng: Thuốc kháng axit cho chứng ợ nóng và khó tiêu. Làm sạch và khử mùi. Chất hỗ trợ cho việc tẩy rửa. Bảo trì hồ bơi Nấu ăn và làm bánh, ... 		Prescribed for Life	Túi/2kg g	1
148	Sodium carbonate - USP (pharmaceutical grade)		<ul style="list-style-type: none"> *Chất khử trùng và chất chống đóng cặn thực phẩm. *Giúp cân bằng nồng độ pH trong cơ thể *Không mùi và không vị *Cũng có thể được sử dụng như một chất làm mềm vải. 		Prescribed for Life	Túi/2kg g	1
149	Sodium citrate (Trisodium citrate dihydrate)		<ul style="list-style-type: none"> *Công thức hóa học: $C_6H_5Na_3O_7 \cdot 2H_2O$ *Hợp chất liên quan: Natri dihydrocitrat; Natri hydro citrat; Canxi citrat; Axít citric *Khối lượng riêng: 1.7 g/cm³ *Khối lượng mol: 258.06 g/mol 		Trung Quốc	chai/500 g	2
150	Sodium dihydrogen phosphate dihydrate		<ul style="list-style-type: none"> *Công thức hóa học: $NaH_2PO_4 \cdot 2H_2O$ *Khối lượng phân tử: 156.01 *Độ tinh sạch: $\geq 99.0\%$ (T) *chloride (Cl⁻): ≤ 50 mg/kg sulfate (SO₄²⁻): ≤ 50 mg/kg * Ca: ≤ 50 mg/kg Cd: ≤ 50 mg/kg Co: ≤ 50 mg/kg Cu: ≤ 50 mg/kg Fe: ≤ 50 mg/kg K: ≤ 100 mg/kg Ni: ≤ 50 mg/kg 		Trung Quốc	Chai/500g	1

151	Sodium Glycinate		<p>Cấp chất lượng: 200 Xét nghiệm: 98% Hình thức: rắn Khả năng phản ứng phù hợp: loại phản ứng: tổng hợp peptide pha dung dịch Mp: 197-201 °C (sáng) (Các) ứng dụng: tổng hợp peptide Chuỗi SMILES: <chem>[Na+].[H]O[H].NCC([O-])=O</chem> InChI 1S/C2H5NO2.Na.H2O/c3-1-2(4)5;:/h1,3H2,(H,4,5);;1H2/q;+1;/p-1</p> <p>InChI key CIJQGPVMMRXSQW-UHFFFAOYSA-M</p>	219517	Merck	Chai/100g	1
152	Sodium methoxide solution, ACS reagent, 0.5 M CH3ONa in methanol (0.5N)		<p>Công thức hóa học CH3ONa Khối lượng phân tử 54.02 Dạng: dung dịch Nhiệt độ phân hủy 126.6°C Khối lượng riêng 0.6 g/ml Cấp chất lượng: 200 Nồng độ: 0.5 M CH3ONa in methanol (0.5N)</p>		Sigma-Aldrich	Chai/100ml	1
153	Sodium Pyruvate		<p>Công thức phân tử: CH3COCOONa Khối lượng phân tử: 110.04 g/mol Trạng thái: dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt Độ tinh khiết (chuẩn độ với HClO4): ≥99% Kim loại nặng: ≤20 ppm (Pb)</p>	P2256-25G	Sigma	Hộp/25G	1

154	Sodium Salt Penicillin G		<p>Công thức hóa học: C₁₆H₁₇N₂NaO₄S</p> <p>Khối lượng phân tử: 356,37 g/mol</p> <p>Trạng thái: dạng bột, màu trắng đến trắng ngà</p> <p>Hòa tan trong nước tạo thành dung dịch trong suốt, không màu</p> <p>Độ tinh khiết: 96,0 - 102,0 %</p>	13752-5G-F	Sigma	Hộp/5 G	1
155	Sodium thiosulfate		<p>*Công thức: Na₂S₂O₃</p> <p>*Khối lượng mol: 158,11 g/mol</p> <p>*Điểm nóng chảy: 48,3 °C</p> <p>*Điểm sôi: 100 °C</p> <p>*Hòa tan trong: Nước</p> <p>*Mật độ: 1,67 g/cm³</p>		Sigma-Aldrich	chai/100g	1
156	Soyabean Casein Digest Agar		<p>– Xuất hiện ở dạng kèm màu vàng đồng</p> <p>– pH: (ở 25 ° C) 7.3 ± 0,2</p> <p>Thành phần: – Tryptose: 17.000 Gms/lít</p> <p>– Soya peptone : 3.000 Gms/lít</p> <p>– Sodium chloride: 5.000 Gms/lít</p> <p>– Dextrose (Glucose) : 2.500 Gms/lít</p> <p>– Dipotassium hydrogen phosphate : 2.500 Gms/lít</p>	M290	Himedia	chai/500g	1
157	Sulfur		<p>-Dạng rắn tinh khiết, chai 500g</p> <p>- Hóa chất Sulfur Sublimed có công thức hóa học là: S</p> <p>- Số mô hình: AR</p> <p>- Sử dụng Sulfur Sublimed S: Phòng thí nghiệm thuốc thử, thuốc thử phân tích, thuốc thử chẩn đoán, thuốc thử giảng dạy</p> <p>- Ứng dụng trong : Công nghiệp, Nghiên cứu khoa học, Y tế, Bảo vệ môi trường, Nông nghiệp</p> <p>- Khảo nghiệm Sulfur Sublimed S Hơn 99%</p> <p>- Quy cách chai 500g</p> <p>- Phân loại: Hóa chất tinh khiết</p>	7704-34-9	Fisher	Chai/500g	1

158	Streptomycin (dạng bột)		"Công thức phân tử: C ₂₁ H ₃₉ N ₇ O ₁₂ . 1.5 H ₂ SO ₄ Thích hợp cho nuôi cấy tế bào Trạng thái: dạng bột, màu trắng đến trắng ngà Hiệu lực: ≥720 I.U/mg (dried basis)"	S9137-25G	Sigma	Hộp/2 5G	1
159	Trichoderma Selective Medium (TSM)				Himedia	Chai/5 00 g	1
160	TCBS Agar		- Hình thể: bột chảy tự do đồng nhất - Màu sắc: màu vàng nhạt đến nâu nhạt - pH: 5.30 - 5.70 Proteose peptone 10.000 Yeast extract 5.000 Sodium thiosulphate 10.000 Sodium citrate 10.000 Bile 8.000 Sucrose 20.000 Sodium chloride 10.000 Ferric citrate 1.000 Bromo thymol blue 0.040 Thymol blue 0.040 Agar 15.000 Final pH (at 25°C) 8.6±0.2	M189-500G	Himedia	chai/5 00g	1
161	TCM199		"Dạng bột Thích hợp nuôi cấy tế bào Thành phần: L-glutamine:có phenol red: có NaHCO ₃ :không sodium pyruvate: không Earle's salts (5% CO ₂): có	M5017-1L	Sigma	Chai/1 L	1

			HEPES: không nhiệt độ trữ: 2-8°C"				
162	Tryptic Soy Broth (TSB)		*Độ tan: 30 g/l *Bảo quản: +15°C tới +25°C *pH: 7.1 – 7.5 (25 độ C)		Himedia	Chai/5 00g	1
163	Tween 80		*Hình dạng: chất lỏng nhớt có màu từ chanh đến hổ phách ở 25°C. *Giá trị HLB (Hydrophilic – Lipophilic Balance): 15,0 tạo nhũ tương dầu trong nước, O/W *Độ nhớt: 425 mPa.s (25°C) *Độ tan: dễ tan trong nước và ethanol, không tan trong dầu thực vật và dầu khoáng. *Điểm chớp cháy: 149 °C. *Hàm ẩm: 3% *Giá trị xà phòng hóa: 45-55 *Trọng lượng riêng: 1.08 ở 25°C *Sức căng bề mặt: Đối với dung dịch 0,1% trong nước, sức căng bề mặt của tween 80 là 42,5 mN/m ở nhiệt độ 20°C		Trung Quốc	Chai/5 00mL	1
164	Rappaport Vassiliadis Soya Broth		Soya peptone 4.500 Sodium chloride 8.000 Potassium dihydrogen phosphate 0.600 Dipotassium hydrogen phosphate 0.400 Magnesium chloride hexahydrate 29.000 Malachite green 0.036 Final pH (at 25°C) 5.2±0.2	M1491	Himedia	chai/1 00g	1

165	Vanilla essential oil		*Chiết xuất tinh khiết 100% từ quả Vanilla theo phương pháp ép lạnh hoặc xục khí hidro.		Pháp	Chai/10 mL	1
166	Wizard SV Gel and PCR Clean-Up System (Gel extraction kit)		Dùng để tách chiết và tinh sạch DNA kích thước từ 100bp đến 10kb từ gel agarose hoặc để tinh sạch trực tiếp các sản phẩm từ phản ứng PCR và các phản ứng thông dụng khác như phản ứng cắt. Cột Wizard® SV Minicolumns: A129A, 1 × 50/pk Tube thu nhận: A130A, 1 × 50/pk Dung dịch rửa màng: A929B, 1 × 15ml Dung dịch gắn màng: A930B, 1 × 20ml Nước phân tử: P119A, 3 × 1,250µl	A9281	Promega	Kit/50 prep	1
167	X-gal		Tính thấm vào tế bào: Thấm vào tế bào Phương pháp phát hiện: Colorimetric Ứng dụng trong: Sinh học phân tử Trọng lượng: 1 g Cơ chất: Beta-Gal Substrate Đặc điểm của cơ chất: cơ chất hóa học Loại cơ chất: Beta-Gal Substrate	V3941	Promega	Chai/2 ml/100 mg	2
II	Vật tư tiêu hao						
1	Bông không thấm nước		*Được làm từ 100% bông tự nhiên, đã được chải qua để loại bỏ tạp chất. *Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam. *Kết cấu mịn màng và mềm mại. *Không thấm nước.		Vietnam	cuộn/1 kg	1

2	Chén giấy bạc	ĐK=4cm, sâu 1cm	Đáy x rộng x cao: 4 x 6 x 2 cm Chất liệu: giấy bạc, sử dụng trong thực phẩm		Việt Nam	Hộp/5 0 cái	5
3	Chổi rửa ống nghiệm, 20cm	20 cm	Chổi rửa ống nghiệm sản xuất từ cước trắng, giúp vệ sinh sạch sẽ các loại ống nghiệm, ống có kích thước từ nhỏ đến trung bình. - Chiều dài: 20cm - Độ dài lông chổi phù hợp để rửa các loại ống nghiệm có đường kính nhỏ đến trung bình, dễ dàng vệ sinh các loại ống nghiệm có nhiều kích thước khác nhau. - Thân chổi không rỉ sét. Phần cuối đuôi chổi thiết kế dạng móc treo giúp dễ dàng bảo quản, treo chổi. - An toàn, tiện dụng. - Cảnh báo an toàn: Hàng không độc hại, không gây ảnh hưởng đến môi trường		Việt Nam	cái	26
4	Chổi rửa ống nghiệm, 30cm	30 cm	Chiều dài thân chổi: 27cm Chiều dài cán: 16cm Chiều dài đầu chổi: 2,7cm Đường kính chổi: 2,8cm Bán kính chổi (dài lông chổi): 1,4cm		Việt Nam	cái	22
5	Chổi rửa ống nghiệm, 40cm	40 cm	Chiều dài thân chổi: 27cm Chiều dài cán: 16cm Chiều dài đầu chổi: 2,7cm Đường kính chổi: 2,8cm Bán kính chổi (dài lông chổi): 1,4cm		Việt Nam	Cái	14

6	Chổi rửa ống nghiệm 25 cm, đen		Chiều dài thân chổi: 27cm Chiều dài cán: 16cm Chiều dài đầu chổi: 2,7cm Đường kính chổi: 2,8cm Bán kính chổi (đài lông chổi): 1,4cm		Việt Nam	Cái	5
7	Cover slip (22×22mm)	22×22mm	Các phiến kính hiển vi thủy tinh này có hình vuông 22 mm và dày 0,13 mm – 0,17 mm. 100 bìa. Các tấm bìa rất mỏng. Chúng được sử dụng để che vật thể trên slide và giúp nó không bị khô.		Trung Quốc	Hộp/100 cái	20
8	Dao mổ số 11		Model:số 11 - Lưỡi dao mổ (Lưỡi dao phẫu thuật) dùng một lần - Nhà sản xuất: Doctor - Ấn Độ - Trọng lượng 100gr - Quy cách 100 cái/hộp		VN	Cái	6
9	Bác đèn cày (gỗ)		*Kích thước bác gỗ: có hình dạng thanh gỗ mỏng, chiều cao 15cm x chiều rộng 1.4 - 1.5 cm *Chất liệu: gỗ tự nhiên đã qua xử lý		Việt Nam	Túi/100 cái	1
10	Đế tim bác	Đường kính: 2,5mm	*Chất liệu: sắt xi mạ *Đường kính: 2,5mm		Việt Nam	Túi/100 g	1
11	Đế sắt kẹp cho bác gỗ		*Chất liệu: sắt * Kích thước: dài 1.6 cm, rộng 1.3 cm, cao 1 cm		Việt Nam	Túi/100 cái	1
12	Đầu bóp cao su sử dụng cho pipette pasteur (3 ml)	3 ml	Thành phần: Nhựa Màu sắc: Đỏ		Việt Nam	Cái	10

13	Đầu tip 10µl (Dnase/Rnase-free)		Đầu tuýp trắng 10µl, 1000 cái/gói, không RNase & Dnase, endotoxin		Biologix	Bịch/1000 cái	16
14	Đầu tip 100µl (Dnase/Rnase-free)	100 µL	Đầu tuýp vàng 2-200µl, 1000 cái/gói, không RNase & Dnase, endotoxin		Biologix	Bịch/1000 cái	17
15	Đầu tip 1000µl (Dnase/Rnase-free)	1000 µL	Túi 1.000 tips Hãng sản xuất: BIOLOGIX Cat.no: 20-1000 Chất liệu Polypropylene Không RNase & Dnase Có thể hấp tiệt trùng Màu sắc tự nhiên		Biologix	Bịch/1000 cái	20
16	Đầu tip trắng 5ml	5 mL	Volume: 1 - 5 ml Length: 126 mm		BOECO - Đức	Bịch/300 cái	3
17	Đĩa 96 giếng đáy bằng có nắp tiệt trùng		Đĩa 96 giếng đáy bằng, (Eliza) có nắp, tiệt trùng từng cái	5096/P/SG	Aptaca - Ý	Cái	45
18	Đĩa cân nhựa 5mL	5mL	*Kích thước: 31x55x5.3 mm *Trọng lượng: 0.3g *Không gây ô nhiễm. *Dễ dàng tạo hình cái phễu *Có màu trắng hoặc đen để phù hợp với màu của các loại hóa chất		Kartell - Ý	cái	25

19	Đĩa cân nhựa hình thoi, màu trắng, 30ml	55x85x13.5 mm	*Đĩa cân nhựa (55x85x13.5mm) Kartell. Chất liệu: HIPS với bề mặt kỵ nước, không gây ô nhiễm. Có 2 màu trắng và đen, dễ nhận biết chất bám trên bề mặt đĩa. Có khả năng chống tĩnh điện			Cái	20
20	Đĩa nhựa 60mm		"Thành phần:Nhựa Cảnh báo an toàn Hàng không độc hại, không gây ảnh hưởng đến môi trường Xuất xứ:Việt Nam Hướng dẫn bảo quản Nhiệt độ thường"	60x15mm	Mida	Túi/20 cái	8
21	Đĩa nhựa nuôi phôi 35mm, tiệt trùng		"Chất liệu: Polystyrene, trong suốt – Đế phẳng – Nắp thông hơi để trao đổi khí tốt hơn – Các đĩa có thể xếp chồng – Sử dụng làm đĩa thạch dùng trong nuôi cấy vi sinh vật – Sử dụng để nuôi cấy tế bào, rêu nhỏ – Phân tích vi mô"	07-3035	Biologix	Túi/10 cái	46
22	Đĩa petri nhựa, tiệt trùng, đường kính 9cm, dày 1,5cm, có nắp	PD0004	Đĩa petri nhựa với kích thước đường kính 90mm cao 15mm. Chất liệu: nhựa trong suốt và bề mặt phẳng, được tiệt trùng bằng tia gamma theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008, ISO 13485:2003 Dùng để cấy vi sinh trong phòng thí nghiệm.		Midamec	Túi/10 cái	28
23	Đĩa petri nhựa tiệt trùng, đk 90mm		"Kích thước: 90x15mm Chất liệu: nhựa y tế Polystyrene với độ chính xác cao, đảm bảo sản phẩm không bị nhiễm chéo và cho kết quả chính xác. - Hoàn toàn trong, thuận tiện cho việc nuôi cấy và quan sát. - Đường kính: 90mm, Chiều cao: 15mm - Nắp và thân đĩa phẳng - Đĩa được vô trùng bằng tia gamma		Việt Nam	Thùng / 500 cái	1

			- Đóng gói kín trong bao nhựa PE - Được sản xuất và đóng gói trong phòng sạch cấp độ ISO5, theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016."				
24	Eppendorf 1.5ml (Dnase/Rnase-free)		"Tuýp ly tâm 1.5ml, dạng eppendorf, , 500 tubes/bao, không có RNase & DNase, pyrogenic. "		Biologix	Bịch/1000 cái	6
25	Eppendorf 1.5ml tối màu (Dnase/Rnase-free)		Được làm bằng Polypropylene y tế + Có thể khử trùng, Có thể đông lạnh và rã đông nhiều lần + Lọ vừa với hộp đông lạnh 1 inch và 2 inch tiêu chuẩn + Tiệt trùng bức xạ gamma + Không có DNase & RNase, không có nội độc tố và không có DNA của con người + Dung tích 1.5ml, màu nâu + Temperature Resistance:-86°C-121°C		Biologix	Bịch/1000 cái	1
26	Eppendorf 2ml (Dnase/Rnase-free)		Được làm bằng Polypropylene y tế + Có thể khử trùng, Có thể đông lạnh và rã đông nhiều lần + Lọ vừa với hộp đông lạnh 1 inch và 2 inch tiêu chuẩn + Tiệt trùng bức xạ gamma + Không có DNase & RNase, không có nội độc tố và không có DNA của con người + Dung tích 2ml, trong suốt + Chịu được nhiệt độ:-86°C-121°C + Chịu được lực ly tâm ở 20,000 RCF		Biologix	Bịch/1000 cái	1
27	Falcon 15mL		Ống ly tâm nhựa 15ml, nắp PE, tiệt trùng,, bao 25 cái, thùng 500cái, không có pyrogenic	10-9502	Biologix	Túi/25 cái	18

28	Falcon 50ml		Ống ly tâm nhựa 50ml, nắp PE, tiệt trùng, có rãnh, hấp lại được, bao 25 cái, thùng 500cái, không có pyrogeni	10-9502	Biologix	Túi/25 cái	23
29	Găng tay cao su không bột (M)	size M	Nguyên liệu: Mủ kem (latex) ly tâm tự nhiên Hàm lượng bột: $\leq 10\text{mg}/\text{dm}^2$ Nồng độ Protein: Protein tách chiết trong nước 200ug/g hoặc thấp hơn lượng công bố này Màu sắc: Màu cao su tự nhiên Đặc điểm: Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám Qui cách đóng gói: Hộp 100cái, 10 hộp/thùng Medium (M): Chiều rộng lòng bàn tay (mm): 95 ± 3 , chiều dài (mm): min 240		V-Glove - Việt Nam	Hộp/50 đôi	538
30	Găng tay cao su không bột (S)	Size S	"Nguyên liệu: Mủ kem (latex) ly tâm tự nhiên Hàm lượng bột: $\leq 10\text{mg}/\text{dm}^2$ Nồng độ Protein: Protein tách chiết trong nước 200ug/g hoặc thấp hơn lượng công bố này Màu sắc: Màu cao su tự nhiên Đặc điểm: Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám Qui cách đóng gói: Hộp 100cái, 10 hộp/thùng Small (S): Chiều rộng lòng bàn tay (mm): 85 ± 3 , chiều dài (mm): min 240"		V-Glove - Việt Nam	Hộp/50 đôi	407
31	Găng tay cao su không bột, size L	Size L	Nguyên liệu: Mủ kem (latex) ly tâm tự nhiên Hàm lượng bột: $\leq 10\text{mg}/\text{dm}^2$ Nồng độ Protein: Protein tách chiết trong nước 200ug/g hoặc thấp hơn lượng công bố này Màu sắc: Màu cao su tự nhiên Đặc điểm: Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám Qui cách đóng gói: Hộp 100cái, 10 hộp/thùng		V Gloves, Việt Nam	hộp/50 đôi	254

			Large (L): Chiều rộng lòng bàn tay (mm): 105 ± 3, chiều dài (mm): min 240				
32	Găng tay Nitrile size S không bột	Size S	"*Size S, nitrile, *Nguyên liệu: Cao su Nitrile nhân tạo. *Không bột chưa tiệt trùng. *Dùng cho cả hai tay; bề mặt đầu ngón tay nhám; xe viền cổ tay *Sản xuất từ 100% nitrile (Acrylonitrile-Butadiene)"		Topglove-Malaysia	Hộp/50 đôi	51
33	Găng tay Nitrile không bột size L		*Size L, nitrile, *Nguyên liệu: Cao su Nitrile nhân tạo. *Không bột chưa tiệt trùng. *Dùng cho cả hai tay; bề mặt đầu ngón tay nhám; xe viền cổ tay *Sản xuất từ 100% nitrile (Acrylonitrile-Butadiene)		TopGlove - Malaysia	Hộp/50 đôi	2
34	Găng tay Nitrile không bột, size M	Size M	*Size M, nitrile, *Nguyên liệu: Cao su Nitrile nhân tạo. *Không bột chưa tiệt trùng.*Dùng cho cả hai tay; bề mặt đầu ngón tay nhám; xe viền cổ tay*Sản xuất từ 100% nitrile (Acrylonitrile-Butadiene)		TopGlove - Malaysia	Hộp/50 đôi	51
35	Giấy cân 10cm x 10cm		"*Được sản xuất bằng chất liệu bột bông, bột gỗ và sợi tự nhiên khác, bề mặt giấy da mịn màng và trong suốt, phạm vi kích thước tám để dễ sử dụng. *Không chứa nitơ mà không cần bất kỳ chất keo hay phụ gia nào *Bằng cellulose dễ dàng chuyển các mẫu bột hoặc bột sền sệt từ thiết bị cân này đến thiết bị khác		Taiwan	Hộp/500 tờ	1

			<p>*Bề mặt có độ dày cao (độ bóng không được xử lý) đến độ mịn giúp giữ mẫu hoặc hấp thụ độ ẩm</p> <p>*Có kết cấu bề mặt không thấm nitơ và không có nitơ chống rách trong quá trình gấp hoặc bao bọc góc phần tư và tăng độ bền mài mòn trong quá trình cạo thìa"</p>				
36	Giấy lau kính hiển vi		<p>Type: Microscope cleaning paper & Oil filter paper</p> <p>Parameter: 10x15cm</p> <p>Trademark: Whatman</p> <p>Category: Tools – filter materials</p>	2105-841	Whatman	Hộp/2 5 tờ	7
37	Giấy lọc khổ lớn (60cm x 60cm)		<p>Giấy lọc thí nghiệm khổ 60 x 60 cm</p> <p>Được làm từ bột giấy tinh khiết, không chứa hóa chất hoặc chất tẩy trắng</p> <p>Giấy lọc này có độ pH trung tính, không ảnh hưởng đến tính chất của dung dịch hoặc chất rắn cần lọc</p> <p>Giấy lọc này có thể sử dụng cho nhiều loại dung dịch hoặc chất rắn khác nhau, như nước, dung môi hữu cơ, axit, bazơ, muối, protein, enzyme, vi sinh vật và các hợp chất hữu cơ</p>	Tờ	Việt Nam	Tờ	6
38	Giấy lọc định tính (d=110mm)	đường kính 110mm	<ul style="list-style-type: none"> – Chất liệu: giấy – Quy cách đóng gói: 100 tờ/hộp, 50 hộp / thùng – Kích thước: Ø 110mm – Khổ giấy: 300 x 300mm – Nguyên liệu: 100 bông xenlulo – Ứng dụng: Phân tích định tính 		Newstar	Hộp/1 00 tờ	10

39	Giấy nền (giấy trắng nền)	45 x 75 cm	<p>**Kích thước: 45cmx75m</p> <p>*Khối lượng tịnh: 1, 385kg/cuộn</p> <p>*Dùng để lót khi nướng hoặc bao gói thực phẩm</p> <p>*Thành phần: Giấy trắng silicon chống dính dẻo dai."</p>	VDC00076	EuFood	cuộn	1
40	Giấy nền Good Bake	30cm x 100m	<p>Thương hiệu: Goodbake</p> <p>Nơi sản xuất: Việt Nam</p> <p>Kích thước:45cm x 100m</p>			Cuộn	12
41	Giấy nhôm (45.7cmx7.62m)	45.7 cm x 7.62 cm	<p>Mã sản phẩm: TGCN-38276</p> <p>Thương hiệu: Diamond</p> <p>Đơn vị tính: Cuộn</p> <p>Trọng lượng tạm tính: 0.7Kg</p> <p>Kích thước: 7.62 x 45.7 cm</p>		Diamond Mỹ	cuộn	302
42	Giấy Parafilm PM996		<p>"Giấy Parafilm M PM996</p> <p>Kích thước: 4 inches x 125 feet (10cm x 38.1m)"</p>	PM996		Hộp	2
43	Glass Pasteur Pipette 230mm		<p>**Chất liệu: thủy tinh</p> <p>*Chiều dài: 230 mm"</p>		Marienfeld- Đức	Hộp/2 50 cái	11
44	Hũ son 5g nắp trắng		<p>*Màu sắc thân: trắng trong</p> <p>*Màu sắc nắp: trắng</p> <p>*Chất liệu: Nhựa PS, ABS</p> <p>*Thể tích: 5 ml</p> <p>*Thông số kỹ thuật: 5 g</p> <p>*Kích thước: 22 x 22 x 22mm</p>		Trung Quốc	cái	50

45	Khẩu trang y tế 3 lớp có gọng		Thương hiệu: PERFETTA Trọng lượng: 150g Kiểu đóng gói: Hộp		Việt Nam	Hộp/50 cái	123
46	Khẩu trang y tế có lớp than hoạt tính		*Chất liệu: Vải không dệt có lớp than hoạt tính : Tấm lọc than hoạt tính sản xuất với nguyên liệu hoàn toàn 100% cacbon hoạt tính được ép chặt trong vải. Có khả năng lọc tới 90% các loại vi khuẩn, các loại bụi dạng hạt nhỏ 0,3 micron.		Greetmed	Hộp/50 cái	45
47	Kim chích máu lancet dùng trong bút thử đường (4 cạnh, đầu tròn)		Kim chích máu lancet dùng trong bút thử đường (4 cạnh, đầu tròn) - đã tiệt trùng		Trung Quốc	Hộp/100 cái	7
48	Lam kính mài mờ	25.4×76.2 mm 1-1.2mm thick	"Tên sản phẩm: Lam kính mài mờ 26x76x1mm Mô tả sản phẩm: - Không màu, được mài mờ, làm từ thủy tinh Soda-lime - Có khả năng chịu hóa chất cao, phù hợp với kính hiển vi huỳnh quang."	22x22mm	Trung Quốc	hộp/72 cái	17
49	Membrane, poresize 22 um		Kích thước lỗ: 0.22(μm) Dày: 150 μm Đường kính: 25 mm Ưa nước Độ xốp: 75% Màu sắc: trắng Chất lỏng của lọc nhiệt độ cao.	MF PES025022	USA	Hộp/100 cái	1

50	Minisart Syringe Filter (PES 0.22um) sterile, tiệt trùng		"Thành phần Surfactant-free Cellulose Acetate (SFCA) Trọng lượng 0.41000kg Kích thước (L x W x H) 200 x 130 x 100mm Kích thước lỗ lọc 0.2µm Filtration Area (Metric) 6.2cm ² Màu sắc Xanh Đóng gói Hộp / 50 cái. ETO-sterile (Tiệt trùng từng cái) Cảnh báo an toàn Hàng không độc hại, không gây ảnh hưởng đến môi trường. Xuất xứ Sartorius Hướng dẫn bảo quản Nhiệt độ thường, tối đa 50°C"	16532----K	Germany	Hộp/50 0 cái	3
51	Minisart™ NY Syringe Filters: Nonsterile 0.45 µm		Kích thước lọc: Ø 25 mm Kích thước lỗ lọc: 0.45 µm Filtration Area: 4.8 cm ² Màu sắc: trắng Khoảng pH: 3.0-14.0 Chất liệu vỏ: Polypropylene (PP) Chất liệu lõi lọc: Polyamide (PA/NY) Đóng gói: Hộp/500 cái	Sartorius 17846----- ---Q	Sartorius - Đức	Hộp/500 00 cái	1
52	Muỗng nhựa 0.15mL	0.15mL	*Chất liệu: nhựa *Thể tích: 0.15 ml		Trung Quốc	túi/50 cái	1

53	Núm cao su (pasteur pipette)		Thành phần: Nhựa Cảnh báo an toàn: Hàng không độc hại, không gây ảnh hưởng đến môi trường Xuất xứ: Việt Nam Hướng dẫn bảo quản: Nhiệt độ thường.	084.03.001	Isolab	Cái	20
54	Ống đựng máu có EDTA-K3		Chất liệu: Nhựa PET Kích thước: 13*75mm Màu sắc: Ống trong suốt, nắp màu tím/xanh Mục đích: Lấy máu xét nghiệm Hóa chất: EDTA K3 Dung tích: 2ml - 6ml Thời hạn sử dụng: 24 tháng Lưu trữ: 4-30oC Chứng chỉ: CE, ISO 13485, FSC		Việt Nam	Cái	100
55	Ống Durham		Thành phần: thủy tinh Kích thước: 6 x 25 mm		Việt Nam	Cái	250
56	Ống mao quản châm sắc ký		Thành phần: Thủy tinh Đóng gói: Cái Cảnh báo an toàn: Hàng không độc hại, không gây ảnh hưởng đến môi trường Xuất xứ: Đức Hướng dẫn bảo quản: Nhiệt độ thường	29 01000	Isolab	hộp/10 0	12

57	Ống mao quản đo độ nóng chảy		làm bằng thủy tinh vôi soda với các cạnh cắt hình chữ nhật để sử dụng một lần chiều dài dung sai: ± 1 mm đường kính dung sai: $\pm 0,05$ mm	29 40205	Marienfeld - Đức	Hộp/100 ống	3
58	Parchment paper (giấy tráng silicon)		*Thành phần: Giấy tráng silicon chống dính		Good Baking	cuộn	1
59	Pasteur pipette nhựa tiệt trùng	3mL	"- Chất liệu: Polyethylene trong suốt - Dung tích: 3ml - Độ dày phân bố đồng đều đảm bảo độ hút đồng đều - Chia vạch rõ ràng, dễ sử dụng - Được tiệt trùng để từng túi riêng - Sự thay thế tuyệt vời cho pipet Pasteur và quả bóp cao su"		Việt Nam	Cái	1253
60	Plastic pipette 3mL	nhựa, non sterile	*Ống pipet pasteur thể tích tối đa 3 ml		Tarson - India	hộp/500 cái	1
61	Que cấy nhựa 10 μ l, tiệt trùng, cam	LP0002	Que cấy nhựa 10 μ l, tiệt trùng, cam, 25 cái/gói		Biologix-USA	Bịch/25 cây	14
62	Que cấy nhựa 1 μ l, tiệt trùng, xanh		Que cấy nhựa 1 μ l, tiệt trùng, xanh, 25 cái/gói.		Biologix-USA	Bịch/25 cây	12
63	Que cấy nhựa đầu thẳng		Que cấy nhựa đầu thẳng, tiệt trùng, 25 cái/gói		Biologix-USA	Bịch/25 cây	8

64	Que thử đường huyết Accu-chek perfoma		*Accu Chek Performa là phụ kiện đi kèm của máy đo đường huyết hiệu Roche, được sản xuất theo dây chuyền tiên tiến hiện đại của Đức. Que thử được tích hợp công nghệ cảm ứng điện cực có khả năng tự động hút máu lên và đo kết quả. Với tính năng này que chỉ cần 1 giọt nhỏ (khoảng 0.6uL) máu tươi trong mao mạch lấy từ đầu ngón tay hoặc lòng bàn tay.	Accu-chek Perfoma	Roche-Đức	Hộp/2 5 cái	8
65	Tăm bông tiệt trùng (que nhựa dài)		Quy cách: đầu bông 5 mm Số lượng: 100 que. (5 que vô 1 bịch nhỏ) Chiều dài thân que: 15 cm. Sản phẩm đã được tiệt trùng. Thành phần: đầu bông 100% cotton, thân nhựa polypropylen (nhựa dẻo có độ đàn hồi cao).		Việt Nam	Gói/10 que	6
66	Tim sáp số 10		*Chất liệu: dây cotton, dây dệt, màu trắng ngà		Việt Nam	Túi/10 0 g	1
67	Uniflo™ sterile Polyethersulfone (PES) syringe filters (0.2µm), đk 13mm		"Chất liệu: Polyethersulfone (PES) Tiệt trùng Đường kính: 13 mm Kích thước lỗ: 0.2 µm Thích hợp lọc sạch mẫu thể tích nhỏ đến 100ml"		Whatman - Anh	Hộp/1 00 cái	1
68	Vỏ son dưỡng		*Kích thước: 72 x 20 x 20 (mm) *Trọng lượng: 24 g *Khối lượng son: 4g *Khuôn làm son: Đổ trực tiếp *Nhựa ABS		Trung Quốc	cái	50

69	Weighing paper	12.5x12.5 cm	Giấy cân (Weighing Paper) Kích thước: 12.5x12.5cm Không chứa Nito Sản phẩm với bề mặt trơn mịn và trọng lượng siêu nhẹ giúp việc cân và di chuyển chất bột được dễ dàng, đơn giản hơn.			Hộp/500 tờ	1
70	Xi lanh có kim vô trùng 1ml		Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế. Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. Dung tích bơm tiêm: 1ml. Kích cỡ kim: 26G (26G x 1/2") Đảm bảo liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường. Chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim. Piston di chuyển dễ dàng trong xilanh. Khí và dung dịch không lọt qua giăng ở đầu bịt piston. Đường kính, độ dài kim, vật liệu kết cấu kim tiêm phù hợp tiêu chuẩn quốc tế:		VinaHankook	Hộp/100 cái	1
71	Xilanh có kim 10mL	10 ml	Bơm tiêm 10ml Vinahankook được khử trùng bằng khí E.O. Vinahankook sản xuất theo công nghệ Hàn Quốc đảm bảo vô trùng, không gây độc, không gây sốt.		VinaHankook	hộp/100 cái	3
III	Dụng cụ						
1	2.0 ml Vial Cane - 5 Place, Anodized		5 vị trí/ cây màu sắc đa dạng (nhiều màu) Giữ lọ 5 - 2,0 ml Cây nhôm hai đầu 2-CC Kích thước: đường kính 11,6 mm 11 7/16" chiều dài"	9717099	Princeton Cryo	Túi/100 cây	1

2	Aluminum Cryo Cane (5 section per cane)	5 vị trí để ống/cây Nhiều màu	5 vị trí/ cây màu sắc đa dạng (nhiều màu) Giữ lọ 5 - 2,0 ml Cây nhôm hai đầu 2-CC Kích thước: đường kính 11,6 mm 11 7/16""chiều dài"	9717099	Princeton Cryo	Túi/100 cây	1
3	Ấm đun bằng thép không gỉ Lock&Lock,	1.7L màu đen EJK738B LK	Công suất:1800 - 2150W Dung tích: 1.7 lít Chất liệu ruột bình: Inox cao cấp 304 Chất liệu vỏ bình: Nhựa PP Đế tiếp điện:TP	EJK738BLK	Lock&Lock	Cái	1
4	Bếp điện hồng ngoại		<ul style="list-style-type: none"> • Mặt kính Crystal siêu bền, chịu lực chịu sốc nhiệt • Chức năng nướng • 09 dây công suất • Điều khiển cảm ứng ấn trực tiếp trên mặt bếp • Chức năng hẹn giờ 99 phút và khóa trẻ em thông minh • 02 vòng nhiệt tiện dụng với nồi lớn nhỏ (Function) • Cảm ứng quá nhiệt • Công suất bếp: 2200W • Nguồn điện: 220V – 240V AC/50 – 60Hz • Kích thước mặt kính: 390×320 mm • Kích thước khoét đá: 370×300 mm 	Sunhouse SHD6017	Trung Quốc	Cái	1

5	Bếp ga mini		Màu sắc: Inox Nhà sản xuất: Namilux Xuất xứ: Việt Nam Năm ra mắt : Đang cập nhật Thời gian bảo hành: 6 Tháng Địa điểm bảo hành: Nguyễn Kim Loại bếp gas: Bếp mini Số bếp: 1 bếp Mặt bếp: Inox 430	Namilux NH- P3031PS	Việt Nam	Cái	1
6	Bình cầu cổ nhám đáy tròn 100mL	100ml - 29/32	Bình cầu cổ nhám Duran được sản xuất tại Đức, bằng thủy tinh cao cấp, được thiết kế với đặc tính kháng hóa chất tốt, hạn chế giãn nở nhiệt từ đó tăng độ bền sản phẩm trong quá trình sử dụng. Bình cầu cổ nhám có nhám 29/32. Loại đáy tròn có thể đun nóng trong bếp chuyên dụng	SCH52490	Duran (Schott)	Cái	4
7	Bình cầu cổ nhám đáy tròn 250mL	250ml - 29/32	Bình cầu cổ nhám Duran được sản xuất tại Đức, bằng thủy tinh cao cấp, được thiết kế với đặc tính kháng hóa chất tốt, hạn chế giãn nở nhiệt từ đó tăng độ bền sản phẩm trong quá trình sử dụng. Bình cầu cổ nhám có nhám 29/32. Loại đáy tròn có thể đun nóng trong bếp chuyên dụng	SCH52510	Duran (Schott)	Cái	4
8	Bình cầu cổ nhám đáy tròn 500mL	500ml - 29/32	Bình cầu cổ nhám Duran được sản xuất tại Đức, bằng thủy tinh cao cấp, được thiết kế với đặc tính kháng hóa chất tốt, hạn chế giãn nở nhiệt từ đó tăng độ bền sản phẩm trong quá trình sử dụng. Bình cầu cổ nhám có nhám 29/32. Loại đáy tròn có thể đun nóng trong bếp chuyên dụng	SCH52530	Duran (Schott)	Cái	4

9	Bình sắc ký	150x50mm	Bình sắc ký của Duran với chất liệu thủy tinh borosilicate cao cấp trong suốt và bền với kích thước 150 x 50 x 150 mm (Dài - Rộng - Cao) Có nắp vuông đậy vào phẳng 4 mặt.	SCH53000	Duran (Schott)	Cái	4
10	Bình tam giác 250mL	250mL	*Bình tam giác cổ hẹp *Dung tích: 250 ml *Đường kính đáy: 85 mm *Đường kính miệng: 34 mm *Chiều cao: 145 mm *Có chia vạch trên thân		Duran Đức	cái	80
11	Bình tam giác miệng hẹp 100mL	100mL	Bình tam giác Duran phù hợp đựng hoá chất, dung môi, trộn hỗn hợp trong thí nghiệm, đo lường dung tích chất lỏng và phù hợp với nhiều mục đích sử dụng bởi tính chịu nhiệt, kháng hoá chất, vạch chia bình tam giác Duran mang độ chính xác cao theo tiêu chuẩn Đức, không bị phai theo thời gian, thủy tinh trong suốt không bọt khí, vân đục.	212162403	Duran (Schott)	Cái	10
12	Bình tia nhựa 500mL	500mL	Chất liệu: Nhựa pp có chia vạch Có vòi phun tia Công dụng: dùng để xịt côn, tưới nước cho cây, tia hóa chất, tra dầu máy		Scilabware - Anh	cái	12
13	Bình tia nhựa xịt côn	500 mL	Thành phần Nhựa Dung tích: 500ml		Việt Nam	Cái	5
14	Bộ 10 muỗng đong định lượng inox cán silicon		"Chất liệu : INOX SUS 304 cao cấp Size: 250mL, 125mL, 80mL, 60mL, 30mL, 15mL, 7.5mL, 5mL, 2.5mL, 1.25mL		Vietnam	bộ/10 món	2

15	Bộ 6 bình đáy tròn kèm nắp dùng trong máy cô quay nhiều vị trí	50 x 110mm	Chất liệu: thủy tinh chịu nhiệt Sử dụng cho máy cô quay nhiều vị trí P-6 Sử dụng thủy tinh riêng biệt có sẵn với nhiều loại adapter được cung cấp	49774	Buchi - Thụy Sĩ	Bộ/ 6 cái	1
16	Bộ khoan tay thủ công		*Chất liệu: thép không gỉ + hợp kim		Việt Nam	bộ	1
17	Ca nhựa 2L có quai	2L	Dung tích: 2 L Chất liệu: nhựa PP Trên thân có chia vạch thể tích Có thể hấp tiệt trùng, kháng hóa chất tốt Phù hợp cho thực phẩm theo quy định EC 10/2011			Cái	10
18	Cá từ, 8x40mm	8x40mm	Cá từ 8x40mm. Thích hợp để sử dụng với một loạt các trụ thanh khuấy từ có khả năng chống hầu như tất cả các hóa chất và được cung cấp trong phân cực liên kết gói để đảm bảo cường độ ghép đôi tối đa.. Bảo quản nhiệt độ thường		Isolab - Đức	Cái	10
19	Cá từ, 6x30mm	6x30mm	Cá từ 6x30mm. Thích hợp để sử dụng với một loạt các trụ thanh khuấy từ có khả năng chống hầu như tất cả các hóa chất và được cung cấp trong phân cực liên kết gói để đảm bảo cường độ ghép đôi tối đa.. Bảo quản nhiệt độ thường		Isolab - Đức	Cái	10

20	Cá từ	20mm	<p>Tên sản phẩm Cá từ 6x20mm Dinlab Hãng - Xuất xứ Dinlab - Đức Ứng dụng- Thích hợp để sử dụng với một loạt các trụ thanh khuấy từ có khả năng chống hầu như tất cả các hóa chất và được cung cấp trong phân cực liên kết gói để đảm bảo cường độ ghép đôi tối đa. Mô tả sản phẩm - Chịu được hầu như tất cả các hóa chất - Thiết kế đơn giản với các đầu tròn, - Trộn mạnh hơn ở tốc độ thấp hơn - Chiều dài:20mm; Đường kính; 6mm</p>		SA20	Cái	5
21	Cell Freezing Container Cryopreservation Procedure Gradient Cooling Box 2mL*18		<p>Dung tích 18 ống Thể tích tối đa của dịch tế bào/ống: 2ml -1°C mỗi phút trong môi trường -80°C</p>		BT Lab Systems	Cái	1
22	Chai nâu nhỏ giọt, có quả bóp nút vặn 100ml	100ml	<p>Chất liệu: Thủy tinh trong suốt, độ bền cao - Chai màu nâu sử dụng cho những mẫu nhạy cảm với ánh sáng - Bao gồm: Chai nhỏ giọt 100ml, nắp vặn, bầu hút (xanh hoặc đỏ) và pipet thủy tinh phù hợp - DIN 18</p>	41314060+4 1315060	Assistent - Đức	Cái	10

23	Chai trung tính nâu 250mL	nâu 250mL	<ul style="list-style-type: none"> *Chất liệu: Thủy tinh *Dung tích: 250ml *Sợi DIN: 45 *Đường kính cổ: 70mm *Chiều cao: 143mm *Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao, chịu nhiệt tốt. *Đồng bộ với chai gồm nắp vặn xanh nhựa PP, và vòng đệm PP giúp không đọng nước khi rót và làm sạch, an toàn trong công việc. *Nhiệt độ tiệt trùng cho nắp và vòng đệm là 140°C 		Duran Đức	cái	2
24	Chai trung tính trắng, 250ml	250ml	<ul style="list-style-type: none"> *Chất liệu: Thủy tinh *Dung tích: 250ml *Sợi DIN: 45 *Đường kính cổ: 70mm *Chiều cao: 143mm *Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao, chịu nhiệt tốt. *Đồng bộ với chai gồm nắp vặn xanh nhựa PP, và vòng đệm PP giúp không đọng nước khi rót và làm sạch, an toàn trong công việc. *Nhiệt độ tiệt trùng cho nắp và vòng đệm là 140°C 		Duran	Cái	10
25	Chai trung tính trắng, 500ml	500ml	<ul style="list-style-type: none"> *Chất liệu: Thủy tinh *Dung tích: 500ml *Sợi DIN: 45 *Đường kính cổ: 70mm *Chiều cao: 143mm *Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao, chịu nhiệt tốt. *Đồng bộ với chai gồm nắp vặn xanh nhựa PP, và vòng đệm PP giúp không đọng nước khi rót và làm sạch, an toàn trong 		Duran	Cái	10

			công việc. *Nhiệt độ tiệt trùng cho nắp và vòng đệm là 140°C				
26	Chảo vân đá tự nhiên chống dính	26 cm	THƯƠNG HIỆU ELMICH Xuất xứ Việt Nam Chất liệu Nhôm A3003 Kích thước 500 x 310 x 110mm	Elmich Opal EL-380	Việt Nam	Cái	1
27	Chén cân 60x30mm		Chén cân 60x30mm dùng trong thí nghiệm kích thước 60x30mm. Thiết kế nắp chén cân được mài nhám giúp sản phẩm kín không lọt không khí trong quá trình chứa mẫu sản phẩm.	CHI59711	Trung Quốc	Cái	10
28	Chén nung bằng sứ	30 ml	Làm bằng sứ chịu nhiệt , độ bền cao Chịu tất cả hóa chất Giãn nở nhiệt thấp Chịu sốc nhiệt cao Nhiệt độ hoạt động 1200oC	JIP 200451	Boeco	Cái	10
29	Cốc đốt thấp thành (Beaker), 1000 ml	1000 ml	- Chất liệu: Thủy tinh - Có chia vạch, trong suốt - Dùng để đựng, đong, rót hóa chất - Dung tích: 1000ml		Đức	Cái	5
30	Cốc đốt thấp thành (Beaker), 100 ml	100 ml	- Chất liệu: Thủy tinh - Có chia vạch, trong suốt - Dùng để đựng, đong, rót hóa chất - Dung tích: 100ml		Đức	Cái	10

31	Cối chày sứ Jipo (loại trơn)	110mL - Ø100	Cối chày sứ Jipo chất lượng cao, kháng hóa chất tốt cũng như chịu nhiệt tương ứng với các yêu cầu của tiêu chuẩn CSN EN 1183 và CSN ISO 1775. Vật liệu sứ để sản xuất nên chén nung nằm trong nhóm C110 theo tiêu chuẩn CSN EN 60672 -3, dung sai kích thước sản phẩm được kiểm soát bởi tiêu chuẩn DIN 40680, Sản phẩm không tráng men có thể được sử dụng ở nhiệt độ lên đến 1350 ° C / 2462 ° F và những sản phẩm tráng men ở nhiệt độ lên đến 1.000 ° C / 1.832 ° F. Sản phẩm có khả năng chống axit và bazơ cao, các thuộc tính đã chọn khác: mật độ (g / cm ³) = 2,4, độ bền uốn của các sản phẩm không tráng men (70MPa), độ dẫn nhiệt (W.m-1.K-1) = 1,3.	JIP51360	Jipo-Tiếp Khắc	Cái	10
32	Cồn kế		"- Cồn kế có nhiệt kế - Thang đo nồng độ cồn: 0-100 : 1% - Thang đo nhiệt kế: 0-40°C : 1°C - Kích thước: 280mm"		Amarell - Đức	Cái	3
33	Cột sắc ký lỏng Inertsil ODS-3	250mm x 4.6mm x 5µm	Tính trơ cao. Tuổi thọ sử dụng cột cao. Tính lặp lại đáng tin cậy. Áp suất ngược khi hoạt động là cực thấp. Chiều dài cột x đường kính trong x kích thước hạt: 250mm x 4.6mm x 5µm Loại silicagel mới nhất Phạm vi pH từ 2 ~ 7.5 Diện tích bề mặt: 450 m ² /g Kích thước lỗ: 100 Å (10 nm) Thể tích lỗ: 105 mL/g End-capping: Yes Carbon loading: 15% USP code: L1	5020-01732	GL Sciences - Nhật Bản	Cái	1

34	Dao gọt vỏ	inox 304	*Chất liệu: inox 304			cái	3
35	Đầu que cấy vi sinh (nhọn)	inox	Dài: 60mm Được làm từ hợp kim chịu nhiệt tốt, không bị oxy hóa trong quá trình khử trùng bằng ngọn lửa"		Đức	Cái	5
36	Đầu que cấy vi sinh (tròn)	inox	Đường kính vòng khuyên: 4mm Dài: 60mm Được làm từ hợp kim chịu nhiệt tốt, không bị oxy hóa trong quá trình khử trùng bằng ngọn lửa		Đức	Cái	5
37	Đèn cồn thủy tinh, 150 ml	150mL	Thể tích: 150ml Chất liệu: thân thủy tinh, dây tim và nắp chụp nhựa chịu nhiệt Xuất xứ: Việt Nam	CHI36030	Trung Quốc	Cái	16
38	Đèn khò		Sản phẩm phù hợp với các nhu cầu sử dụng ngọn lửa mạnh, tụ lại một điểm & ổn định trong mọi tư thế sử dụng Sử dụng 360° với thiết kế hệ thống sấy gas giúp ổn định ngọn lửa trong mọi tư thế sử dụng. An toàn với hệ thống gài lon sử dụng Inlet bolt O- Ring, tăng gấp đôi độ kín đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng. Gas sử dụng Lon gas Butane Công suất 1.800 Walt Lượng gas tiêu thụ 132g/h Hệ thống sấy gas Nhiệt độ đầu khò > 1200°C Đánh lửa tự động	Namilux NA 167	Việt Nam	Cái	4

39	Đồng Hồ Bấm Giờ	TBE Shop	Cài giờ tối đa lên đến 23 giờ 59 phút Sử dụng pin AAA x1 tặng kèm Đồng hồ bấm giờ hx 102 nhỏ gọn dễ sử dụng, âm báo to Tính năng đếm ngược kêu, đếm tiến, xem giờ & báo thức		Trung Quốc	Cái	3
40	Eppendorf™ 50mL Falcon Tube Rotor Adapter		Dạng hình nón Đựng được 1 ống falcon Kích thước lỗ khoan 30mm		Isolab-Đức	Gói/ 2 cái	1
41	Fine test sieves (SS frame, pore size 150 µm)	particle size 100 mesh, pack of 1 ea	vật liệu: thép không gỉ không vô trùng bao bì: gói 1 cái nhà sản xuất/tên thương mại: ATM 100SS8F số lượng lưới/ sàng: 100 lưới kích thước lỗ chân lông:150 µm	Z400114-1EA	Sigma-aldrich	Cái	1
42	Fine test sieves (SS frame, pore size 75 µm)	particle size 200 mesh	vật liệu: thép không gỉ không vô trùng bao bì: gói 1 cái nhà sản xuất/tên thương mại: ATM 100SS8F số lượng lưới/ sàng: 200 lưới kích thước lỗ chân lông:75 µm	Z400157-1EA	Sigma-aldrich	Cái	1
43	Giá cho Micropipette1 kênh 6 vị trí		Chất liệu: nhựa PP Sử dụng Được sử dụng cho 6 chiếc Micropipette Đặc điểm kỹ thuật 6 giếng Đóng gói Gói riêng lẻ, 1 cái/túi, 20 cái/ctn Tính năng: Đứng tự do Màu trắng	4078	Corning-USA	Cái	2

44	Giá để micropipette, dạng xoay tròn		<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu nhựa - Dạng xoay tròn có thể tháo rời một cách dễ dàng - Có thể treo đến 6 Micropipette đơn kênh hoặc đa kênh đồng thời - Trọng lượng nhẹ , thiết kế gọn gàng, dễ sử dụng 		Dlab	Cái	1
45	Giá để bình cầu (để bình cầu bằng nhựa)	160mm	Giá để bình cầu hay đế để bình cầu sản xuất tại Trung Quốc, chất liệu giá đỡ bằng nhựa với kích thước dùng cho bình cầu trên 150ml (160mm). Giá để bình cầu giúp bảo quản và kê bình cầu đáy tròn trong phòng thí nghiệm hoặc các sản phẩm thí nghiệm có phần đáy cầu không đứng được.	CHI65307	Trung Quốc	Cái	5
46	Giá để falcon	50 mL, 30 vị trí	Làm bằng polypropylene y tế chất lượng cao Giá đỡ được 30 ống ly tâm 50ml Thiết kế chắc chắn giữ ống thẳng đứng			Cái	2
47	Giá đỡ micropipette		"Giá để Micropipette dạng xoay tròn Chất liệu: ABS Có thể tháo rời một cách dễ dàng"		Nichiryo – Nhật	Cái	2
48	Giá đỡ ống nghiệm	inox 304 50 vị trí	"inox 304 50 vị trí"		VN	cái	12
49	Giá đựng ống ly tâm 50ml tinh sinh học bằng nhựa ABS 8-well		Giá đỡ 8 giếng được thiết kế để giữ ống ly tâm 50mL Kích thước: 19.2*9.2*6cm	TR-1500	Servicebio, Trung Quốc	Cái	10
50	Giá giữ lạnh ống eppendorf 1.5ml Iceon Type1		*Crack lạnh, chuyển màu khi thay đổi nhiệt độ từ lạnh sang thường *Kích thước: 146 × 105 × 70 mm. *24 vị trí x 0.5, 1.5, 2.0 mL. có nắp"	5630-T6	Cosmo Bio Usa Inc SKBIO1	Cái	3

51	Giá giữ lạnh ống PCR 0.2 ml Iceon Type2		Crack lạnh, dùng giữ ống PCR ở nhiệt độ lạnh trong vòng 3h *Khả năng chứa: qPCR: ống Corbett Rotor-Gene 64 x 0,1 mL ống hoặc dài 16 x 0,2 mL và ống 4 x 0,5 mL. *PCR: ống 96 x 0,1 và 0,2 mL và ống dài; tấm lên đến 96-giếng. *Kích thước: 141 × 99 × 44 mm.	5640-T6	Cosmo Bio Usa Inc SKB-IO-2	Cái	3
52	Giá phơi dụng cụ 2 mặt	60cm x 47cm x 24cm	Giá phơi dụng cụ 2 mặt dùng để phơi khô dụng cụ thí nghiệm. Giá phơi có thể đứng được và sử dụng đa dụng cả hai mặt, phơi được nhiều hơn và dễ dàng sử dụng cũng như xếp gọn bảo quản nếu chưa sử dụng tới.	VNA41430	Việt Nam	Cái	2
53	Hộp đựng đầu tip 10µL, hấp tiệt trùng		Nắp trong, gắn vào thân hộp, ko bị rời khi mở Nhựa chịu nhiệt, có thể hấp khử trùng ở 121°C, 20p Thích hợp cho nhiều loại đầu tip	TS10-C-R	ExtraGene	Cái	16
54	Hộp đựng đầu tip 100µL, hấp tiệt trùng		Nắp trong, gắn vào thân hộp, ko bị rời khi mở Nhựa chịu nhiệt, có thể hấp khử trùng ở 121°C, 20p Thích hợp cho nhiều loại đầu tip	TS-210-Y-R	ExtraGene	Cái	16
55	Hộp đựng đầu tip 1000µL, hấp tiệt trùng		Nắp trong, gắn vào thân hộp, ko bị rời khi mở. Các lỗ thẳng theo hàng dọc. Nhựa chịu nhiệt, có thể hấp khử trùng ở 121°C, 20p Thích hợp cho nhiều loại đầu tip		Watson - Nhật	Cái	16
56	Kẹp ống nghiệm bằng gỗ	250 mm	Chất liệu: gỗ. Dài 20cm.		Việt Nam	Cái	10

57	Kính mắt ngăn tia UV dùng để cắt gel DNA		<p>Chặn hiệu quả bước sóng ánh sáng xanh từ bộ phát sáng, cho phép hiển thị rõ ràng các dải DNA phát huỳnh quang. Có thêm các tấm càn kính để bảo vệ xung quanh và tạo sự thoải mái.</p> <p>Được khuyên dùng cho người thường xuyên cắt các dải DNA từ gel.</p> <p>Để xem gel DNA bằng thuốc nhuộm SybrGreen hoặc SybrSafe (trong quang phổ đèn LED màu xanh lam).</p> <p>Hoàn hảo cho việc cắt gel DNA. Giải phóng đôi tay của bạn cho công việc không bị cản trở.</p>	BS-E4000-VG1	StellarScientific	Cái	2
58	Máng đựng môi trường (Solution Basins) 50mL		<p>Khay nhựa đựng dung dịch 50ml, 12 ô chứa, chưa tiệt trùng (Biologix – Mỹ), chuyên dụng để chứa các loại hoá chất độc hại khác.</p>	25-1202	Biologix-USA	Cái	3
59	Dụng cụ bào sợi rau củ quả đa năng		<p>*Chất liệu: ABS+PP+Inox 304</p>		KACHEE G Taiwan	cái	2
60	Dụng cụ đo nhiệt độ hồng ngoại		<p>Khoảng đo : -38°C...600°C</p> <p>- Độ chính xác :</p> <p>± 2°C + 0.05°C / degree (-38°C...0°C)</p> <p>± 2°C (0 °C...600 °C) or ± 2% depending on the higher value</p> <p>- Hệ số phát xạ : 0,01...10</p> <p>- Tỷ lệ : 12:1</p> <p>Cung cấp bao gồm: máy chính, pin, HDSD</p>	082.440A	LaserLine r	Cái	1

61	Dụng cụ sấy tóc	<p>Kiểu dáng:Tay cầm thẳng Công suất:2100W Tốc độ sấy:2 tốc độ, có sấy mát -Tiện ích: Có móc treo Có sấy nhanh Sấy ion làm mượt tóc Đầu sấy hẹp tạo kiểu tóc -Chế độ sấy bảo vệ: Chế độ sấy bảo vệ tóc Tự ngắt khi quá nhiệt -Kích thước, trọng lượng:Ngang 21.4 cm - Cao 29.5 cm - Rộng 9.1 cm - Khối lượng 800g</p>	BHD350	Philips - Hà Lan	Cái	2
62	Dụng cụ xay sinh tố đa năng	<p>Loại máy: Máy xay đa năng Công suất: 700W -Chức năng chính: Xay cháo nguội Xay cháo nóng Xay gia vị: Hành, tỏi, ớt, nấm,...Xay hạtXay sinh tốXay súpXay thịtXay được đá -Cối xay:3 cối (Cối lớn 1.5 lít - Cối nhỏ 0.5 lít - Cối xay thịt 1 lít) Chất liệu cối chính: Cối nhựa Lưỡi dao:Thép không gỉ Tốc độ:5 tốc độ + Chức năng nhồi để trộn nguyên liệu -Tiện ích: Chân đế chống trượt Có lưới lọc bã Có nắp nhỏ cho nguyên liệu trong khi xay Dao xay và nắp có thể tháo rời Có chế độ vệ sinh cối xay nhanh Xay đá -Tính năng an toàn:</p>	HR2223/00	Philips, Hà Lan	Cái	1

			Máy chỉ hoạt động khi lắp cối vừa thân máy Tự ngắt khi quá tải				
63	Micropipette 0.1-2.5ul		"- Hấp tiệt trùng toàn bộ - Tay cầm được thiết kế một cách tối ưu làm cho người sử dụng có thể dễ dàng và thoải mái khi dùng. - Điều chỉnh thể tích: 0.1 ~ 2.5 μ l"	Research Plus	Eppendorf	Cái	1
64	Micropipette 0.5-10ul		"- Hấp tiệt trùng toàn bộ - Tay cầm được thiết kế một cách tối ưu làm cho người sử dụng có thể dễ dàng và thoải mái khi dùng. - Điều chỉnh thể tích: 0.5 ~ 10 μ l"	Research Plus	Eppendorf	Cái	2
65	Micropipette 100-1000ul		"- Hấp tiệt trùng toàn bộ - Tay cầm được thiết kế một cách tối ưu làm cho người sử dụng có thể dễ dàng và thoải mái khi dùng. - Điều chỉnh thể tích: 100 ~ 1000 μ l"	Research Plus	Eppendorf	Cái	2
66	Micropipette 10-100ul		"- Hấp tiệt trùng toàn bộ - Tay cầm được thiết kế một cách tối ưu làm cho người sử dụng có thể dễ dàng và thoải mái khi dùng. - Điều chỉnh thể tích: 10 ~ 100 μ l"	Research Plus	Eppendorf	Cái	2
67	Pipet đơn kênh 20-200ul		Đã được hấp tiệt trùng đầy đủ tại 1210C Hiển thị số dễ đọc Tích hợp đầu tip cho tiếp cận các ống hẹp (narrow tubes) Đầu tip côn tiệt trùng Dễ dàng hiệu chỉnh với bộ công cụ được cung cấp Sử dụng được với các pipette tip thông thường Dải thể tích: 20 – 200 μ l	LH0301006	FOUR E's TQ	cái	1

68	Pipet đơn kênh 100-1000ul		<p>Đã được hấp tiệt trùng đầy đủ tại 1210C</p> <p>Hiển thị số dễ đọc</p> <p>Tích hợp đầu tip cho tiếp cận các ống hẹp (narrow tubes)</p> <p>Đầu tip côn tiệt trùng</p> <p>Dễ dàng hiệu chỉnh với bộ công cụ được cung cấp</p> <p>Sử dụng được với các pipette tip thông thường</p> <p>Dải thể tích: 100-1000 μl</p>	LH0301007	FOUR E's TQ	cái	1
69	Pipet đơn kênh 1000-5000ul		<p>Đã được hấp tiệt trùng đầy đủ tại 1210C</p> <p>Hiển thị số dễ đọc</p> <p>Tích hợp đầu tip cho tiếp cận các ống hẹp (narrow tubes)</p> <p>Đầu tip côn tiệt trùng</p> <p>Dễ dàng hiệu chỉnh với bộ công cụ được cung cấp</p> <p>Sử dụng được với các pipette tip thông thường</p> <p>Dải thể tích: 1000-5000 μl</p>	LH0301008	FOUR E's TQ	cái	1
70	Micropipette NICHIPET EX II MULTI (8 kênh, 5-100 μ L)		<ul style="list-style-type: none"> - Hấp khử trùng nguyên cây (121°C trong 20 phút) - Chống được tia UV sử dụng tốt hơn trong các tủ cấy. - Thích hợp cho phân phối vào các 96 well micro plates 96 giếng. - Cài đặt thể tích dễ dàng. - Khóa 1 tay dễ dàng và tiện ích. - Cấu trúc không bị ảnh hưởng nhiệt độ tay đến độ chính xác. - 4 loại (V,S,L,K) trong dải thể tích rộng. - Xoay được (360°) to fixate thích hợp với các vị trí phân phối. - Bước nhảy: 0.01 μl - Độ chính xác tại thể tích 1 ul: \pm8.0% - Độ chính xác tại thể tích 5 ul: \pm4.0% - Độ chính xác tại thể tích 10 ul: \pm2.0% 	00-NPM-8S	Nichiryo – Nhật	cái	1

			<ul style="list-style-type: none"> - Độ lặp lại tại thể tích 1 ul: <5.0% - Độ lặp lại tại thể tích 5 ul: <2.0% - Độ lặp lại tại thể tích 10 ul: <1.0% 				
71	Muỗng cupping cà phê		<p>Hãng: Koonan Xuất xứ: Đài Loan Chất liệu: Thép không gỉ</p>			Cái	12
72	Muỗng mức hóa chất hai đầu 200mm	20cm	<p>Bề mặt muỗng trơn láng với tiết diện thân muỗng vừa phải dễ dàng cho người cầm thao tác, không gây mỏi tay. Chất liệu inox nên sản phẩm có thể tái sử dụng nhiều lần. Dễ dàng làm sạch và không rỉ sét.</p>		Hàn Quốc	Cái	13
73	Nhiệt kế điện tử		<p>Dải nhiệt độ: -50 – +150 độ C/ -58 – +302 độ F Độ chính xác: +/-1 độ C/ 2 độ F Nhiệt kế tự động tắt sau 10 phút không sử dụng</p>	TP101	Trung Quốc	Cái	8
74	Nồi	22 cm	<p>Kích thước 26 x 8.5 cm Chất liệu Nhôm dày 2.4mm Xuất xứ Việt Nam</p>	Elmich	Việt Nam	Cái	1
75	Nunc - Labtop coolers for 0.2 to 0.5mL Tubes		<p>Duy trì nhiệt độ từ -20°C và -15°C trong tối đa 4 giờ Bộ làm mát bằng polycarbonate chống vỡ chứa được 20 ống máy ly tâm siêu nhỏ 1,5-2,0mL. Các miếng chèn đi kèm giữ các ống vi ly tâm 0,2-0,5mL."</p>	355501	Thermo Scientific	Cái	2

76	Ống đong 100mL	100mL	<p>Được sản xuất từ thủy tinh borosilicate 3.3. Phù hợp tiêu chuẩn ISO 4788 Tiêu chuẩn Class A Hiệu chuẩn thể tích tại 20°C</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Thủy tinh - Dung tích: 100ml - Chia vạch: 1mL - Kích thước: f 29mm x H256mm 		Duran (Schott)	Cái	1
77	Ống đong 50 mL	50mL	<p>Được sản xuất từ thủy tinh borosilicate 3.3. Phù hợp tiêu chuẩn ISO 4788 Tiêu chuẩn Class A Hiệu chuẩn thể tích tại 20°C</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Thủy tinh - Dung tích: 50ml - Chia vạch: 1mL - Kích thước: f 25mm x H196mm 		Duran (Schott)	Cái	10
78	Ống hút định lượng 10ml (Dụng cụ bơm pipet)	10ml	<p>làm bằng nhựa có tay quay và cần gạt van xả. Bằng cách xoay bánh xe tay, có thể dễ dàng định lượng. thích hợp cho hoạt động bằng một tay màu sắc khác nhau để xác định nhanh chóng khối lượng tối đa có thể hấp tiệt trùng ở 121°C, 15 psi trong 15-20 phút</p>		Marienfel d-Đức	Cái	7
79	Ống hút định lượng 2 ml (Dụng cụ bơm pipet)	2ml	<p>làm bằng nhựa có tay quay và cần gạt van xả. Bằng cách xoay bánh xe tay, có thể dễ dàng định lượng. thích hợp cho hoạt động bằng một tay màu sắc khác nhau để xác định nhanh chóng khối lượng tối đa có thể hấp tiệt trùng ở 121°C, 15 psi trong 15-20 phút</p>		Marienfel d-Đức	Cái	5

80	Ống Kjeldahl	Ø42x300 mm	<p>ống chung cất đậm được làm bằng thủy tinh chịu nhiệt, dùng cho các máy chung cất đậm.</p> <p>+ VẬT LIỆU: THỦY TINH TRONG SUỐT CHỊU NHIỆT, BOROSILICAT CTE 3.3</p> <p>+ KÍCH THƯỚC: PHI 42X300mm, thể tích chứa 250ml</p>	A00000144	VELP Scientific a- Italy	Cái	9
81	Ống nghiệm có nắp	16 x 160mm (22ml)	<p>Được sản xuất từ thủy tinh soda-lime</p> <p>Với ren DIN và nắp vặn từ PP</p> <p>Độ kín cao nhờ gioăng TPE</p> <p>- Chất liệu: Thủy tinh, PP, TPE</p> <p>- Dung tích: 22ml</p> <p>- Thành dày: 1mm</p> <p>- Nắp vặn: GL18</p> <p>- Kích thước: f16mm x H160mm</p>		Duran - Đức	Cái	30
82	PIPETMAN 4- Pipette Kit, P2, P20, P200, P1000		<p>- Âm lượng có thể điều chỉnh hoặc cố định: Âm lượng có thể điều chỉnh</p> <p>- Pipette Loại: Dịch chuyển không khí bằng tay</p> <p>- Phạm vi thể tích: 0,2-2 µL; 2-20µL; 20-200µL; 100-1000 µL</p> <p>- Phạm vi Pipet PIPETMAN</p> <p>- Số Kênh 1</p> <p>- Loại đầu phun: Kim loại</p> <p>- Kích thước gói: 1</p> <p>- Bảo hành: 3 năm</p>	F167360	Gilson	Bộ/4 cái	2

83	PIPETMAN P10, 1-10 μ L, Metal Ejector	1-10 μ L	-Âm lượng có thể điều chỉnh hoặc cố định: Âm lượng có thể điều chỉnh -Pipette Loại: Dịch chuyển không khí bằng tay -Phạm vi thể tích: 1-10 μ L -Phạm vi Pipet PIPETMAN -Số Kênh 1 -Loại đầu phun: Kim loại -Kích thước gói: 1 -Bảo hành: 3 năm"	F144055M	Gilson	Cái	2
84	PIPETMAN P100, 10-100 μ L, Metal Ejector	10-100 μ L	"-Âm lượng có thể điều chỉnh hoặc cố định: Âm lượng có thể điều chỉnh -Pipette Loại: Dịch chuyển không khí bằng tay -Phạm vi thể tích: 10-100 μ L -Phạm vi Pipet PIPETMAN -Số Kênh 1 -Loại đầu phun: Kim loại -Kích thước gói: 1 -Bảo hành: 3 năm"	F144057M	Gilson	Cái	2
85	Solid Copper Bearing Balls	5mm	*Chất liệu: thép không gỉ			bộ	1
86	Vỏ cối sinh tố (Phụ kiện máy xay sinh tố)		Cối xay: 2 cối, Cối lớn 1.5 lít - Cối nhỏ 0.5 lít Chất liệu cối xay chính: Thủy tinh Chất liệu lưỡi dao: Thép không gỉ	Philips HR2115	Indonesia	Cái	2
87	Vòi nước 3/4 (thay thế bình nước cất)	nhựa	Xuất xứ: Châu Âu Chất liệu: nhựa HDPE Phù hợp với bình đựng nước cất có vòi của Ý		Ý	cái	5

88	Khuôn nền trụ tròn	7cmx15cm	*Kích thước: Φ 7 cm, cao 15 cm *Trọng lượng sáp nền: khoảng 500gr nền		Việt Nam	bộ/5 khuôn	1
89	Khuôn nhôm chuyên dụng làm bath bomb		*Khuôn được làm từ nhôm, chất lượng cao và an toàn sử dụng. *Kích thước khuôn: 6.5*3cm 5.5*2.5cm 4.5*2cm		Việt Nam	bộ/3 khuôn	5

Đề nghị Quý công ty bổ sung các nội dung: Công thức hóa học, đặc tính kỹ thuật, mã hàng, hãng sản xuất (nếu có).

Kính mời đơn vị tham gia cung cấp gửi thư chào giá về Trường Đại học Quốc tế.

+ Người nhận: Nguyễn Thị Thục Quyên

+ Phòng Vật tư Thiết bị (A2.612) - Trường Đại học Quốc tế

+ Địa chỉ: Khu phố 6, Phường Linh Trung, TP Thủ Đức, TP.HCM

+ **Ngoài Thư báo giá ghi rõ nội dung: Báo giá cho Thư mời chào giá số 253/BG-VTTB.**

Điện thoại liên hệ: 028.3724.4270 - Ext: 3555

Thời gian báo giá: **Đến hết ngày 15/10/2024.**

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: P.VTTB.

TRƯỞNG PHÒNG

Trần Thị Thanh Lịch